

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

QUYỂN 2/2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định số 6.18./QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 22 tháng 02 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày: 03/08/2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Địa chỉ : 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại : 028 3812 5960
Website : www.dmx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
Địa chỉ : Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax : +84 28 3914 3209
Số điện thoại : +84 28 3914 3588
Website : www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đoàn Văn Hiếu Em

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 028 3812 5960

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026



Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thủy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.063.191.892.772	42.189.953.366.083
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<i>3.780.128.276.727</i>	<i>4.139.929.685.549</i>
111	1. Tiền		3.580.128.276.727	3.569.861.411.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		<i>19.463.430.958.687</i>	<i>15.742.181.273.443</i>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.463.430.958.687	15.742.181.273.443
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>5.005.016.206.176</i>	<i>3.600.944.215.409</i>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	241.768.864.731	298.857.679.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.625.724.817	16.957.267.892
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.198.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.557.621.616.628	2.113.211.570.337
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	<i>18.445.615.872.295</i>	<i>18.238.043.618.563</i>
141	1. Hàng tồn kho		18.868.713.558.233	18.442.492.515.483
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>369.000.578.887</i>	<i>468.854.573.119</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	274.785.229.426	310.030.195.860
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	94.214.349.461	143.251.383.739
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	1.000.000	15.572.993.520
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.408.951.274.697	4.237.591.135.973
210	<i>I. Phải thu dài hạn</i>		<i>256.707.860.908</i>	<i>324.827.012.847</i>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	256.707.860.908	315.582.039.518
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		<i>1.625.231.472.209</i>	<i>3.062.528.496.166</i>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.561.763.906.070	2.993.708.260.365
222	Nguyên giá		9.938.145.643.754	10.789.824.684.113
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.376.381.737.684)	(7.796.116.423.748)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	63.467.566.139	68.820.235.801
228	Nguyên giá		90.297.772.827	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.830.206.688)	(21.477.537.026)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<i>4.941.859.483</i>	<i>2.901.089.795</i>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		<i>242.035.797.830</i>	<i>746.632.252.729</i>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	242.035.797.830	286.632.252.729
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		<i>280.034.284.267</i>	<i>100.702.284.436</i>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	26.054.627.592	43.199.790.471
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		49.472.143.167.469	46.427.544.502.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.955.725.943.070	27.873.959.220.523
310	I. Nợ ngắn hạn		29.955.725.943.070	25.984.509.220.523
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.325.109.928.640	5.457.040.214.493
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	88.981.737.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	585.548.459.406	338.532.122.289
314	4. Phải trả người lao động		141.425.441.000	160.097.227.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.109.806.224.937	717.902.028.329
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	683.193.526.335	737.353.676.846
320	8. Vay ngắn hạn	21	19.930.172.643.525	18.416.666.409.682
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	II. Nợ dài hạn		-	1.889.450.000.000
338	1. Vay dài hạn	21	-	1.889.450.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.516.417.224.399	18.553.585.281.533
410	I. Vốn chủ sở hữu		19.516.417.224.399	18.553.585.281.533
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.1	-	3.739.030.306
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	15.154.898.414.399	14.188.327.441.227
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		11.438.327.441.232	12.842.826.235.418
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		49.472.143.167.469	46.427.544.502.056

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	94.240.556.174.175	87.776.539.363.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	93.356.607.723.985	86.822.142.993.475
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(76.267.199.511.301)	(72.403.597.338.351)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.089.408.212.684	14.418.545.655.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.673.177.566.415	1.707.166.695.280
22	7. Chi phí tài chính	25	(700.525.805.609)	(1.082.011.569.400)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(698.026.126.670)	(1.079.340.781.938)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh		(44.596.454.899)	-
25	9. Chi phí bán hàng	26, 28	(10.476.983.983.071)	(12.106.242.047.179)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(2.456.442.534.973)	(933.421.452.736)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.084.037.000.547	2.004.037.281.089
31	12. Thu nhập khác		19.561.273.875	25.533.291.460
32	13. Chi phí khác	27	(357.083.845.173)	(230.283.672.260)
40	14. Lỗ khác		(337.522.571.298)	(204.750.380.800)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	8.521	3.085
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	8.521	3.085


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026




Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		220.952.651.591	(165.930.068.134)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.104.545.913.764)	(1.305.206.744.891)
06	Chi phí lãi vay	25	698.026.126.670	1.079.340.781.938
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.647.159.696.069	2.856.330.024.460
09	Giảm các khoản phải thu		332.280.519.604	580.300.892.931
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(426.288.336.665)	4.011.323.151.278
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.270.686.564.790	(3.302.470.753.718)
12	Giảm chi phí trả trước		52.414.720.963	125.916.897.642
14	Tiền lãi vay đã trả		(700.748.020.023)	(1.095.134.298.420)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.243.078.429.249	2.357.297.032.409
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(75.317.052.553)	(316.883.339.058)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22.045.328.209	7.356.066.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(36.083.817.752.133)	(27.504.613.656.928)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		30.805.730.737.856	18.221.485.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(105.597.412.729)
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.854.318.533.160	893.148.723.318
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.477.040.205.461)	(8.805.103.942.799)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	72.369.835.479.230	69.600.847.575.387
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(72.745.779.245.387)	(62.188.354.104.759)
36	Cổ tức đã trả	22.1	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.125.943.766.152)	7.212.483.470.833
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(359.905.542.364)	764.676.560.443
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.139.929.685.549	3.374.884.397.308
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.780.128.276.727	4.139.929.685.549




Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng




Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.897).

Cơ cấu tổ chức

Nhóm Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên doanh đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

				Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	99,99	99,99
(2) MWG (Cambodia) Co., Ltd (*)	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Ngưng hoạt động	100	100
Công ty liên doanh					
(3) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tại khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí (tài chính) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	254.936.869.384	690.488.404.507
Tiền gửi ngân hàng	3.264.205.303.902	2.485.297.643.987
Tiền đang chuyển	60.986.103.441	394.075.363.105
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	3.780.128.276.727	4.139.929.685.549

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.214.114.712.329	13.120.937.575.725
Đầu tư khác (ii)	6.249.316.246.358	2.621.243.697.718
TỔNG CỘNG	19.463.430.958.687	15.742.181.273.443

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đầu tư khác hạn thể hiện các khoản trái phiếu nắm giữ và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu khách hàng	226.617.206.822	284.029.140.774
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	82.179.250.662	199.794.423.211
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	59.659.077.990	26.813.575.632
- Khác	84.778.878.170	57.421.141.931
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	15.151.657.909	14.828.538.768
TỔNG CỘNG	241.768.864.731	298.857.679.542

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.512.486.009	16.137.038.680
TỔNG CỘNG	7.625.724.817	16.957.267.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	1.033.855.581.408	1.212.650.244.199
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	177.001.918.901	57.480.162.078
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	123.491.899.918	154.622.689.360
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	95.772.412.644	200.572.240.839
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	78.168.874.253	96.902.946.152
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	76.666.694.500	86.026.845.242
- Khác	482.753.781.192	617.045.360.528
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	473.574.535.117	832.018.042.107
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	31.135.618.662	48.045.850.062
Khác	19.055.881.441	20.497.433.969
TỔNG CỘNG	1.557.621.616.628	2.113.211.570.337

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.610.449
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.477.887.428
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Dược phẩm	430.955.064.491	485.534.305.999
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ, mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Vitamin và thực phẩm chức năng	114.364.004.984	180.432.225.826
Mỹ phẩm	42.489.932.374	72.970.752.535
Trang thiết bị y tế cá nhân	30.178.422.899	37.202.860.965
Hàng hóa khác	350.801.936.157	472.891.070.531
TỔNG CỘNG	18.868.713.558.233	18.442.492.515.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.445.615.872.295	18.238.043.618.563

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	(204.448.896.920)	(362.053.661.404)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.404
Số dư cuối năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	274.785.229.426	310.030.195.860
Chi phí thuê cửa hàng	263.918.355.612	286.129.915.743
Công cụ, dụng cụ	3.481.921.978	4.345.055.339
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.846.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	26.054.627.592	43.199.790.471
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	3.842.218.515	14.156.742.317
Khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	300.839.857.018	353.229.986.331

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(lược đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	9.469.648.080.826	296.532.644.251	1.023.643.959.036	10.789.824.684.113
Mua trong năm	5.824.149.008	-	6.136.944.600	11.961.093.608
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(771.517.012.997)	(1.527.228.600)	(100.376.092.052)	(873.420.333.649)
Khác	(111.397.733)	-	86.806.083	(24.591.650)
Số cuối năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Trong đó:				
- Đã khấu hao hết	5.011.954.251.358	106.116.661.426	747.745.538.556	5.865.816.451.340
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(6.723.058.417.124)	(192.881.793.488)	(880.176.213.136)	(7.796.116.423.748)
Khấu hao trong năm	(969.186.939.946)	(34.013.327.703)	(77.763.598.554)	(1.080.963.866.203)
Thanh lý	416.939.743.156	1.058.825.004	82.699.984.107	500.698.552.267
Phân loại lại	28.566.883	-	(28.566.883)	-
Số cuối năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	2.746.589.663.702	103.650.850.763	143.467.745.900	2.993.708.260.365
Số cuối năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	VND Tổng cộng
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-	(10.772.197.700)	(10.705.339.326)	(21.477.537.026)
Hao mòn trong năm	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	25.998.878.500	-	42.821.357.301	68.820.235.801
Số cuối năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (chưa kiểm toán) VND
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	242.035.797.830	286.632.252.729

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	286.632.252.729
Phản lủy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-
Phản lỗ từ công ty liên doanh trong năm	(44.596.454.899)
Số cuối năm	(44.596.454.899)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	286.632.252.729
Số cuối năm	242.035.797.830

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Phải trả người bán	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290	5.399.379.883.359	5.399.379.883.359
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	494.430.598.816	494.430.598.816	139.020.442.642	139.020.442.642
- Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam	368.233.274.979	368.233.274.979	234.769.239.766	234.769.239.766
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	330.376.839.713	330.376.839.713	337.324.152.646	337.324.152.646
- Chi nhánh Công ty TNHH Phần phối Synnex FPT	328.278.198.699	328.278.198.699	98.858.065.553	98.858.065.553
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	319.793.975.590	319.793.975.590	374.086.979.559	374.086.979.559
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	307.039.995.338	307.039.995.338	147.460.522.918	147.460.522.918
- Khác	3.958.929.686.155	3.958.929.686.155	4.067.860.480.275	4.067.860.480.275
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	218.027.359.350	218.027.359.350	57.660.331.134	57.660.331.134
TỔNG CỘNG	6.325.109.928.640	6.325.109.928.640	5.457.040.214.493	5.457.040.214.493

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
	VND		VND	
Phải thu	14.785.385.139.928	(14.834.422.174.206)	94.214.349.461	94.214.349.461
Thuế giá trị gia tăng	758.307.949	(16.330.301.469)	1.000.000	1.000.000
Khác	14.786.143.447.877	(14.850.752.475.675)	94.215.349.461	94.215.349.461
TỔNG CỘNG	14.786.143.447.877	(14.850.752.475.675)	94.215.349.461	94.215.349.461
Phải nộp	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254	403.207.734.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.027.615.458.842	(13.066.809.578.315)	173.908.871.575	173.908.871.575
Thuế giá trị gia tăng	155.637.639.641	(162.842.046.119)	7.770.344.193	7.770.344.193
Thuế thu nhập cá nhân	16.585.442.507	(17.164.482.742)	661.509.384	661.509.384
Thuế khác	14.426.259.159.782	(14.179.242.822.665)	585.548.459.406	585.548.459.406
TỔNG CỘNG	14.426.259.159.782	(14.179.242.822.665)	585.548.459.406	585.548.459.406



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Thưởng nhân viên	1.539.705.905.611	375.220.914.647
Chi phí tiếp thị quảng cáo	224.958.196.974	109.087.969.621
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	81.764.402.600	18.734.705.984
Chi phí lãi vay	55.467.614.302	42.248.256.967
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Khác	38.230.447.272	30.372.429.911
TỔNG CỘNG	2.109.806.224.937	717.902.028.329

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Thu hộ cước phí	421.731.560.848	575.274.027.527
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kính phí công đoàn	66.866.726.070	49.522.560.143
Nhận ký quỹ	21.240.000.000	21.728.005.685
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	64.704.294.729	24.049.787.803
TỔNG CỘNG	683.193.526.335	737.353.676.846
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>665.974.220.408</i>	<i>718.466.193.846</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>17.219.305.927</i>	<i>18.887.483.000</i>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	18.416.666.409.682	72.077.435.479.230	(70.563.929.245.387)	19.930.172.643.525
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)	18.416.666.409.682	72.077.435.479.230	(70.563.929.245.387)	19.930.172.643.525
Vay dài hạn	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	20.306.116.409.682	72.369.835.479.230	(72.745.779.245.387)	19.930.172.643.525

Trong đó:

Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn
Vay dài hạn

18.416.666.409.682	19.930.172.643.525
1.889.450.000.000	-

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	19.930.172.643.525	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính Kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Tính hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước (chưa kiểm toán)				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	2.018.724.567	13.042.836.235.213	17.406.373.769.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.345.501.205.809	1.345.501.205.809
Chênh lệch tỷ giá	-	1.720.305.739	-	1.720.305.739
Chia cổ tức	-	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Năm nay				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức (i)	-	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	19.516.417.224.399

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đã góp

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	436.151.881	100,00	436.151.881	100,00

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng doanh thu	94.240.556.174.175	87.776.539.363.119
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	93.699.151.069.492	87.183.597.001.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.405.104.683	592.942.361.509
Các khoản giảm trừ doanh thu	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Hàng bán bị trả lại	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Doanh thu thuần	93.356.607.723.985	86.822.142.993.475
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	92.815.202.619.302	86.229.200.631.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.405.104.683	592.942.361.509

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.495.875.026.170	1.533.873.933.307
Chiết khấu thanh toán	174.720.514.674	170.384.310.761
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.673.382.716
Khác	1.279.993.957	1.235.068.496
TỔNG CỘNG	1.673.177.566.415	1.707.166.695.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.267.199.511.301	72.403.597.338.351

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	698.026.126.670	1.079.340.781.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.462
TỔNG CỘNG	700.525.805.609	1.082.011.569.400

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí bán hàng	10.476.983.983.071	12.106.242.047.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.677.407.059	6.245.776.046.361
Chi phí nhân viên	3.759.056.713.675	4.275.293.334.672
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.086.144.209.649	1.446.572.143.594
Khác	172.105.652.688	138.600.522.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.456.442.534.973	933.421.452.736
Chi phí nhân viên	1.892.183.682.291	491.671.069.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	507.349.064.478	427.072.537.264
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	2.635.739.462
Khác	56.737.461.988	12.042.106.383
TỔNG CỘNG	12.933.426.518.044	13.039.663.499.915

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Thanh lý tài sản cố định	346.732.657.507	227.192.237.649
Khác	10.351.187.666	3.091.434.611
TỔNG CỘNG	357.083.845.173	230.283.672.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.267.199.511.301	72.403.597.338.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.967.026.471.537	6.672.848.583.625
Chi phí nhân viên	5.651.240.395.966	4.766.964.404.299
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
Chi phí khác	228.843.114.676	150.642.628.936
TỔNG CỘNG	89.200.626.029.345	85.443.260.838.266

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN	1.231.137.391.667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.226.420.618.792 (196.477.162.710)	393.496.576.363 60.289.118.117
TỔNG CỘNG	1.029.943.456.082	453.785.694.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)*

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	949.302.885.850	359.857.380.058
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ từ các công ty con	73.688.330.722	88.181.107.307
Lỗ từ công ty liên doanh	8.919.290.980	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.679.187.472	3.876.421.147
Phân bổ lãi từ giao dịch mua rẻ	1.070.533.933	1.070.533.933
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.029.943.456.082	453.785.694.480

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

		VND	
		Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
		Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
		Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
		Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Các khoản chi phí phải trả	144.812.651.110	-	144.812.651.110 (30.116.274.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804 (31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513 (1.665.060.697)
Dự phòng chi phí khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829 3.099.299.272
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.344.639.602	-	4.344.639.602 -
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852 (86.129.395)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	253.979.656.675	57.502.493.965	
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại		196.477.162.710	(60.289.118.117)

29.4 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản lỗ tính thuế ước tính còn lại để chuyển lỗ như sau:

		VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa chuyển lỗ lại ngày 31 tháng 12 năm 2024
		Lỗ thuế	Không được chuyển lỗ
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma			
2019	2024	5.947.497.325	(5.947.497.325)
2020	2025	6.437.846.862	- 6.437.846.862
2022	2027	306.214.502.293	- 306.214.502.293
2023	2028	342.942.200.944	- 342.942.200.944
2024	2029	347.656.048.632	- 347.656.048.632
TỔNG CỘNG		1.009.198.096.056	(5.947.497.325) 1.003.250.598.731

Các khoản lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế, chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và lại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm ("CIRM JSC")	Công ty cùng Tập đoàn
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND
			Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000	1.726.350.000.000
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.729.549.593.544	1.582.206.929.077
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000
	Mua dịch vụ	10.978.934.322	5.978.807.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	159.512.587.353
	Mua dịch vụ	23.664.451.617	-
	Chi phí điện	7.499.534.260	-
	Bán tài sản cố định	1.812.709.581	273.481.835
	Mua tài sản cố định	1.152.583.342	2.217.870.330
	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	80.299.356.385	120.564.793.840
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Mua dịch vụ	-	228.680.753.622
	Bán dịch vụ	-	29.167.061.703
	Mua hàng hóa	-	310.090.998
	Bán tài sản cố định	-	45.895.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244
		15.151.657.909	14.828.538.768
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê	14.119.569.377	-
	Chi hộ	3.674.261.934	29.733.662.164
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	11.245.323
		31.135.618.662	48.045.850.062
Phải trả người bán ngắn hạn			
CIRM JSC	Mua dịch vụ	153.304.334.357	16.597.691
	Mua công cụ, dụng cụ	2.123.687.956	24.489.888
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.719.498.474	52.048.094.585
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.473.324.841	4.268.254.321
	Mua dịch vụ	406.513.722	714.988.980
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669
		218.027.359.350	57.660.331.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		17.219.305.927	18.887.483.000
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	1.889.450.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			VND
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		2.563.329.660	2.452.542.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	436.151.881	436.151.881
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.521	3.085

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Đến 1 năm	2.222.354.638.429	2.595.903.014.351
Từ 1 đến 5 năm	6.210.842.143.143	7.875.749.115.006
Từ 5 năm	1.983.888.658.902	3.311.001.462.136
TỔNG CỘNG	10.417.085.440.474	13.782.653.591.493

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm: điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác; và
- Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm: dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Ngành hàng được mỹ phẩm	Loại trừ	VND
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877	-	93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	8.537.037	(15.346.240.705)	-
Tổng cộng doanh thu	91.100.237.041.776	2.271.716.922.914	(15.346.240.705)	93.356.607.723.985
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phân lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.898)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				196.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				3.716.570.973.167
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	46.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				49.472.143.167.469
Nợ phải trả của bộ phận	29.647.026.070.697	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				29.955.725.943.070

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước (chưa kiểm toán)	Điện thoại di động, máy tính và thiết bị điện tử	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
				VND
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	84.622.414.485.269	2.199.728.508.206	-	85.822.142.993.475
Giữa các bộ phận	17.637.269.262	63.807.851	(17.701.077.113)	
Tổng cộng doanh thu	84.640.051.754.531	2.199.792.316.057	(17.701.077.113)	86.822.142.993.475
Lợi nhuận gộp của bộ phận	13.937.051.816.459	481.493.838.666	-	14.418.545.655.124
Chi phí không phân bổ				(13.039.663.499.915)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				1.378.882.155.209
Doanh thu hoạt động tài chính				1.707.166.695.280
Chi phí tài chính				(1.082.011.569.400)
Lỗ khác				(204.750.380.800)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				1.799.286.900.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(393.496.576.363)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(60.289.118.117)
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.345.501.205.809
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chưa kiểm toán)				
Tài sản và nợ phải trả				46.427.544.502.056
Tài sản của bộ phận				
Tài sản không phân bổ	44.906.906.577.574	1.520.637.924.482		46.427.544.502.056
Tổng tài sản				46.427.544.502.056
Nợ phải trả của bộ phận				27.873.959.220.523
Tổng nợ phải trả	27.614.395.911.035	259.563.309.488		27.873.959.220.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


CHỨNG THỰC
BẢN SÀO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng
Ngày: 28-02-2026
Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành cho mục đích nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12840339/68619255

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng kèm theo, thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán. Theo đó, chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo kiểm toán độc lập đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với báo cáo tài chính riêng trước đó của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Văn Đông
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.902.380.724.646	41.016.117.093.927
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399
111	1. Tiền		3.554.805.560.503	3.503.852.493.449
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.102.380.958.687	15.647.181.273.443
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.102.380.958.687	15.647.181.273.443
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.936.884.751.500	3.545.013.315.088
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	242.858.186.035	291.537.851.179
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.159.329.837	15.744.370.116
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.148.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.538.867.235.628	2.065.813.396.155
140	IV. Hàng tồn kho	10	17.799.509.595.546	17.433.879.428.706
141	1. Hàng tồn kho		18.222.607.281.484	17.638.328.325.626
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		308.799.858.410	316.122.309.291
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	268.727.941.201	297.603.858.519
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.071.917.209	18.518.450.772
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.330.406.226.155	5.748.166.166.096
210	I. Phải thu dài hạn		249.488.689.910	309.422.171.367
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	249.488.689.910	300.177.198.038
220	II. Tài sản cố định		1.432.227.787.469	2.646.141.319.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.406.228.908.969	2.620.142.441.212
222	Nguyên giá		9.622.024.554.678	10.248.716.048.819
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.215.795.645.709)	(7.628.573.607.607)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.941.859.483	2.901.089.795
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.365.056.004.466	2.695.056.004.466
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	2.780.912.391.737	2.619.066.671.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	286.632.252.729	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(702.488.640.000)	(670.642.920.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		278.691.884.827	94.645.580.756
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.712.228.152	37.143.086.791
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.232.786.950.801	46.764.283.260.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.630.943.884.937	27.516.596.459.061
310	I. Nợ ngắn hạn		29.630.943.884.937	25.627.146.459.061
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.158.175.789.117	5.205.737.222.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	86.685.444.326
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	584.027.449.484	300.529.184.706
314	4. Phải trả người lao động		132.002.387.000	144.962.054.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.081.533.490.879	685.303.284.281
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	660.361.365.396	751.320.974.856
320	8. Vay ngắn hạn	21.1	19.834.373.683.834	18.384.672.489.290
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	II. Nợ dài hạn		-	1.889.450.000.000
338	1. Vay dài hạn		-	1.889.450.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.601.843.065.864	19.247.686.800.962
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	20.601.843.065.864	19.247.686.800.962
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.240.324.255.864	14.886.167.990.962
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		12.136.167.990.967	13.160.411.985.698
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.104.156.264.897	1.725.756.005.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.232.786.950.801	46.764.283.260.023



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.984.185.491.966	85.545.372.009.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.100.237.041.776	84.590.975.639.552
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 29	(74.466.066.849.425)	(70.620.538.673.123)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.634.170.192.351	13.970.436.966.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.651.587.260.364	1.701.046.568.633
22	7. Chi phí tài chính	25	(729.376.295.214)	(1.145.527.375.933)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(695.030.896.275)	(1.074.878.904.251)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(9.817.744.811.062)	(11.279.425.689.962)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(2.400.236.185.298)	(883.616.849.008)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.338.400.161.141	2.362.913.620.159
31	11. Thu nhập khác	28	19.192.653.348	24.957.567.448
32	12. Chi phí khác	28	(223.493.093.510)	(208.329.487.863)
40	13. Lợi nhuận khác	28	(204.300.440.162)	(183.371.920.415)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30.1	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.104.156.264.897	1.725.756.005.264

Vô Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	994.223.949.422	1.317.964.110.584
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		252.798.371.591	(97.952.383.914)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.255.427.459.061)	(1.332.187.818.942)
06	Chi phí lãi vay	25	695.030.896.275	1.074.878.904.251
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.820.621.345.664	3.141.875.783.925
09	Giảm các khoản phải thu		251.139.153.256	581.693.352.832
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(584.278.955.858)	4.056.439.879.466
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.311.722.882.391	(3.203.461.162.309)
12	Giảm chi phí trả trước		41.306.775.957	111.670.989.013
14	Tiền lãi vay đã trả		(697.703.416.908)	(1.090.443.893.525)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.210.381.069.013	2.778.806.067.638
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(73.706.337.363)	(207.521.821.752)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		20.162.822.027	7.348.159.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(35.447.767.752.133)	(27.409.613.656.928)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.485.730.737.856	18.211.685.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(161.845.720.000)	(724.074.462.729)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.000.000.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.837.574.645.613	893.108.109.131
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.339.851.604.000)	(9.219.067.996.680)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	71.945.209.169.190	69.364.661.211.322
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(72.384.957.974.646)	(61.837.641.673.029)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.189.748.805.451)	7.327.009.538.498

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(319.219.340.438)	886.747.609.456
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.073.920.767.399	3.186.804.430.145
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22.367 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26.745 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích giúp Công ty tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính riêng của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh riêng thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	253.640.822.336	688.706.230.286
Tiền gửi ngân hàng	3.242.417.073.848	2.431.308.853.278
Tiền đang chuyển	58.747.664.319	383.837.409.885
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	12.903.064.712.329	13.065.937.575.725
Đầu tư khác (ii)	6.199.316.246.358	2.581.243.697.718
TỔNG CỘNG	19.102.380.958.687	15.647.181.273.443

- (i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.
(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	226.617.206.822	275.384.637.494
- Công ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	82.179.250.662	199.794.423.211
- Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	59.659.077.990	26.813.575.632
- Khác	84.778.878.170	48.776.638.651
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	16.240.979.213	16.153.213.685
TỔNG CỘNG	242.858.186.035	291.537.851.179

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch Vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.046.091.029	14.924.140.904
TỔNG CỘNG	7.159.329.837	15.744.370.116

8. PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên thứ ba), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Phải thu nhà cung cấp (i)	1.023.969.243.621	1.171.471.124.933
- Công Ty TNHH Apple Việt Nam	177.001.918.901	57.480.162.078
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	123.491.899.918	154.622.689.360
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	95.772.412.644	200.572.240.839
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Sô	78.168.874.253	96.902.946.152
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	76.666.694.500	86.026.845.242
- Khác	472.867.443.405	575.866.241.262
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	31.224.723.432	48.123.680.198
Phải thu lãi tiền gửi	465.479.191.828	827.685.946.213
Các khoản khác	18.194.076.747	18.532.644.811
TỔNG CỘNG	1.538.867.235.628	2.065.813.396.155

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.514.129
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.475.527.588
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ và mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Hàng hóa khác	322.683.084.156	444.869.482.159
TỔNG CỘNG	18.222.607.281.484	17.638.328.325.626
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.799.509.595.546	17.433.879.428.706

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
	VND	
Số đầu năm	(204.448.896.920)	(362.053.661.406)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.406
Số cuối năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	268.727.941.201	297.603.858.519
Chi phí thuê cửa hàng	258.309.167.896	275.772.939.734
Công cụ, dụng cụ	3.031.821.469	2.275.694.007
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.845.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	24.712.228.152	37.143.086.791
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	2.499.819.075	8.100.038.637
Chi phí khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	293.440.169.353	334.746.945.310

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.945.857.476.919	296.532.644.251	1.006.325.927.649	10.248.716.048.819
Mua mới	5.083.764.962	-	6.104.074.600	11.187.839.562
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(555.586.576.559)	(1.527.228.600)	(90.570.319.876)	(647.684.125.035)
Số cuối năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.006.325.387.509	106.116.661.426	747.714.560.556	5.860.156.609.491
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(6.560.996.034.526)	(192.881.793.488)	(874.695.779.593)	(7.628.573.607.607)
Khấu hao trong năm	(885.041.195.893)	(34.013.327.703)	(75.169.425.826)	(994.223.949.422)
Thanh lý	327.278.728.111	1.058.825.004	78.664.358.205	407.001.911.320
Số cuối năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.384.861.442.393	103.650.850.763	131.630.148.056	2.620.142.441.212
Số cuối năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính		VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và cuối năm	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND
MWG (Cambodia) Co., Ltd (i)	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	100,00	702.488.640.000	100,00	670.642.920.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	99,99	2.078.423.751.737	99,99	1.948.423.751.737
TỔNG CỘNG				<u>2.780.912.391.737</u>		<u>2.619.066.671.737</u>
				<u>(702.488.640.000)</u>		<u>(670.642.920.000)</u>



11/5/2025 10:00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) MWG (Cambodia) Co., Ltd. là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự và Hình sự của Vương quốc Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 00020766 do Bộ Thương mại của Vương quốc Campuchia cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016. TGDĐ Cambodia có trụ sở chính tại Số 8, Đường 245, Xã Sangkat Toule Bassac I, Quận Khan Chamkamon, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia.
- Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.
- (ii) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314587300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 18 tháng 9 năm 2024.

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

Hoạt động kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	%	VND	VND	%
PT Era Blu Elektronik Kinh doanh thiết bị điện tử	286.632.252.729	-	45	286.632.252.729	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN NGÂN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.943.240.953.220	5.149.298.265.688
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	494.430.598.816	139.020.442.642
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	368.233.274.979	234.769.239.766
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	330.376.839.713	337.324.152.646
- Chi Nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	328.278.198.699	98.858.065.553
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	319.793.975.590	374.086.979.559
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	307.039.995.338	147.460.522.918
- Khác	3.795.088.070.085	3.817.778.862.604
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	214.934.835.897	56.438.956.778
TỔNG CỘNG	6.158.175.789.117	5.205.737.222.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.213.830.951	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254
Thuế giá trị gia tăng	175.392.802.116	12.644.584.191.441	(12.647.420.313.786)	172.556.679.771
Thuế thu nhập cá nhân	14.720.559.385	150.807.518.497	(157.895.207.269)	7.632.870.613
Khác	1.201.992.254	15.688.204.524	(16.260.031.932)	630.164.846
TỔNG CỘNG	300.529.184.706	14.037.500.533.254	(13.754.002.268.476)	584.027.449.484

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Thưởng nhân viên	1.521.285.418.010	353.337.348.301
Chi phí tiếp thị quảng cáo	220.288.299.910	103.602.236.401
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	76.992.803.097	18.699.126.044
Chi phí lãi vay	55.361.378.288	42.092.648.233
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Chi phí vận chuyển	7.382.232.358	8.569.062.808
Khác	30.543.701.038	16.765.111.295
TỔNG CỘNG	2.081.533.490.879	685.303.284.281

20. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Thu hộ cưỡng phí	420.467.346.267	569.795.789.534
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	64.517.277.611	48.605.942.235
Nhận ký quỹ	20.995.000.000	21.600.000.000
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	45.730.796.830	44.539.947.399
TỔNG CỘNG	660.361.365.396	751.320.974.856
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>638.424.407.104</i>	<i>709.665.642.566</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>21.936.958.292</i>	<i>41.655.332.290</i>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm	Thu từ đối vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
				VND
Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)	18.384.672.489.290	71.652.809.169.190	(70.203.107.974.646)	19.834.373.683.834
	18.384.672.489.290	71.652.809.169.190	(70.203.107.974.646)	19.834.373.683.834
Dài hạn				
Vay dài hạn bên liên quan	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>20.274.122.489.290</u>	<u>71.945.209.169.190</u>	<u>(72.384.957.974.646)</u>	<u>19.834.373.683.834</u>

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	19.834.373.683.834	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	13.360.421.985.493	17.721.940.795.493
Lợi nhuận thuần trong năm	-	1.725.756.005.264	1.725.756.005.264
Chia cổ tức	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>14.886.167.990.962</u>	<u>19.247.686.800.962</u>
Năm nay:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức (i)	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>16.240.324.255.864</u>	<u>20.601.843.065.864</u>

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

22.2 Chi tiết vốn đã góp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư				
Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	<u>436.151.881</u>	<u>100,00</u>	<u>436.151.881</u>	<u>100,00</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	91.984.185.491.966	85.545.372.009.196
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	91.442.773.850.246	84.952.397.282.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.411.641.720	592.974.726.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Hàng bán bị trả lại	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Doanh thu thuần	91.100.237.041.776	84.590.975.639.552
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	90.558.825.400.056	83.998.000.912.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.411.641.720	592.974.726.732

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.475.367.891.228	1.530.736.291.722
Chiết khấu thanh toán	173.637.343.565	168.653.754.684
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.656.522.227
Khác	1.279.993.957	-
TỔNG CỘNG	1.651.587.260.364	1.701.046.568.633

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	695.030.896.275	1.074.878.904.251
Dự phòng tổn thất đầu tư	31.845.720.000	67.977.684.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.463
TỔNG CỘNG	729.376.295.214	1.145.527.375.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.173.606.311	5.995.511.891.717
Chi phí nhân viên	3.482.154.917.142	3.942.259.239.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	994.051.623.206	1.317.720.329.216
Chi phí khác	61.364.664.403	23.934.229.541
TỔNG CỘNG	9.817.744.811.062	11.279.425.689.962

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.861.933.544.132	465.415.148.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.572.137.749	411.128.891.525
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	243.781.368
Chi phí khác	42.558.177.201	6.829.028.058
TỔNG CỘNG	2.400.236.185.298	883.616.849.008

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	19.192.653.348	24.957.567.448
Chi phí khác	223.493.093.510	208.329.487.863
Lỗ từ thanh lý tài sản	219.940.432.167	205.896.632.470
Các khoản khác	3.552.661.343	2.432.855.393
LỖ KHÁC THUẦN	204.300.440.162	183.371.920.415

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.775.745.744.060	6.406.640.783.242
Chi phí nhân viên	5.344.088.461.274	4.407.674.387.545
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	994.223.949.422	1.317.964.110.584
Chi phí khác	103.922.841.604	30.763.257.599
TỔNG CỘNG	86.684.047.845.785	82.783.581.212.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,231,137,391,667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
	1,226,420,618,792	393.496.576.363
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(196.477.162.710)	60.289.118.117
TỔNG CỘNG	1.029.943.456.082	453.785.694.480

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.026.819.944.196	435.908.339.949
Các điều chỉnh		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí không được trừ	1.471.140.761	3.481.565.652
Dự phòng đầu tư nước ngoài	6.369.144.000	13.595.536.844
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.029.943.456.082	453.785.694.480

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	144.812.651.110	-	144.812.651.110	(30.116.274.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804	(31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513	(1.665.060.697)
Dự phòng khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829	3.099.299.272
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.344.639.602	-	4.344.639.602	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852	(86.129.395)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253.979.656.675	57.502.493.965		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại			196.477.162.710	(60.289.118.117)

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm ("CIRM JSC")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902	
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000		
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000	
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666	
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.705.838.285.052	1.566.333.182.612	
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396	
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691	
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648	
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	157.744.087.353	
	Bán tài sản cố định	762.957.282	273.481.835	
	Mua tài sản cố định	21.111.349	2.217.870.330	
	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822	
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Góp vốn	130.000.000.000	-	
	Bán hàng hóa	15.339.604.308	17.604.838.958	
	Mua tài sản cố định	1.714.125.708	-	
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	80.299.356.385	120.564.793.840	
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	31.845.720.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524	
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	1.089.321.304	1.324.674.917	
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244	
		16.240.979.213	16.153.213.685	
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê Chi hộ	14.119.569.377 3.674.261.934	- 29.733.663.841	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649	
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926	
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	89.104.770	78.344.915	
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	10.728.867	
		31.224.723.432	48.123.680.198	
Phải trả người bán ngắn hạn				
CIRM JSC	Mua dịch vụ	153.304.334.357	16.597.691	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.012.713.892	51.418.025.597	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.473.324.841	4.268.254.321	
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	144.462.807	148.173.500	
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669	
		214.934.835.897	56.438.956.778	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	4.717.652.365	22.767.849.290
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		21.936.958.292	41.655.332.290

Vay dài hạn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	1.889.450.000.000
---	-----	---	-------------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		2.563.329.660	2.452.542.076

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong lương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.138.748.458.710	2.451.301.826.798
Từ 1 đến 5 năm	5.981.249.192.600	7.363.282.427.529
Trên 5 năm	1.949.689.552.190	3.226.742.074.004
TỔNG CỘNG	10.069.687.203.500	13.041.326.328.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



CHỨNG THỰC
BẢN SÁC ĐỒNG VỚI HÀM CHÍNH
Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng
Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc
28-02-2026
002596-02
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

CHÚ KÍN TÂM


Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vn_vn

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN-25

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.565.566.103.895	47.063.191.892.772
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727
111	1. Tiền		3.558.154.917.657	3.580.128.276.727
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.414.244.731.666	19.463.430.958.687
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.414.244.731.666	19.463.430.958.687
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.264.835.281.364	5.005.016.206.176
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	394.564.407.242	241.768.864.731
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	40.298.376.105	7.625.724.817
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.180.000.000.000	3.198.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.649.972.498.017	1.557.621.616.628
140	IV. Hàng tồn kho	10	22.759.101.620.225	18.445.615.872.295
141	1. Hàng tồn kho		23.368.695.775.234	18.868.713.558.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		549.229.552.983	369.000.578.887
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	340.599.769.383	274.785.229.426
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	208.629.783.600	94.214.349.461
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	1.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.360.671.762.515	2.408.951.274.697
210	I. Phải thu dài hạn		238.775.502.397	256.707.860.908
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.775.502.397	256.707.860.908
220	II. Tài sản cố định		840.472.791.325	1.625.231.472.209
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	814.473.912.825	1.561.763.906.070
222	Nguyên giá		9.454.539.360.453	9.938.145.643.754
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.640.065.447.628)	(8.376.381.737.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	63.467.566.139
228	Nguyên giá		36.771.076.200	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(26.830.206.688)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		54.108.981.914	4.941.859.483
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.771.159.064.528	242.035.797.830
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	371.159.064.528	242.035.797.830
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		446.155.422.351	280.034.284.267
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	26.054.627.592
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	433.735.079.015	253.979.656.675
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.916.237.866.410	49.472.143.167.469

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		39.115.666.255.903	29.955.725.943.070
310	I. Nợ ngắn hạn		39.115.666.255.903	29.955.725.943.070
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.701.594.456.166	6.325.109.928.640
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	210.360.563.142	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	811.242.325.898	585.548.459.406
314	4. Phải trả người lao động		190.067.856.206	141.425.441.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.304.053.527.878	2.109.806.224.937
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	842.798.429.389	683.193.526.335
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.429.114.317.650	19.930.172.643.525
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.800.571.610.507	19.516.417.224.399
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	17.800.571.610.507	19.516.417.224.399
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.073.331.174.380	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.714.405.436.127	15.154.898.414.399
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		4.612.620.204.399	11.438.327.441.232
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.101.785.231.728	3.716.570.973.167
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.916.237.866.410	49.472.143.167.469

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	110.387.157.888.454	94.240.556.174.175
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	109.479.188.452.846	93.356.607.723.985
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(89.992.477.524.267)	(76.267.199.511.301)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.486.710.928.579	17.089.408.212.684
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	1.842.889.655.874	1.673.177.566.415
22	7. Chi phí tài chính	26	(973.377.602.687)	(700.525.805.609)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(970.038.874.515)	(698.026.126.670)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh		24.351.079.198	(44.596.454.899)
25	9. Chi phí bán hàng	27, 29	(9.960.990.653.627)	(10.476.983.983.071)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(3.179.187.654.912)	(2.456.442.534.973)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.240.395.752.425	5.084.037.000.547
31	12. Thu nhập khác		41.993.570.273	19.561.273.875
32	13. Chi phí khác	28	(13.690.616.919)	(357.083.845.173)
40	14. Lãi (lỗ) khác		28.302.953.354	(337.522.571.298)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.638.902.794.566)	(1.226.420.618.792)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	171.989.320.515	196.477.162.710
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	5.268	3.409
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	5.268	3.409

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	775.210.194.149	1.086.316.535.865
03	Dự phòng		205.754.863.290	220.952.651.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.707.522.809.174)	(1.104.545.913.764)
06	Chi phí lãi vay	26	970.038.874.515	698.026.126.670
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.512.122.696.587	5.647.159.696.069
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(40.254.576.400)	332.280.519.604
10	Tăng hàng tồn kho		(5.020.792.722.687)	(426.288.336.665)
11	Tăng các khoản phải trả		5.029.401.100.314	2.270.686.564.790
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(50.175.336.438)	52.414.720.963
14	Tiền lãi vay đã trả		(952.184.628.079)	(700.748.020.023)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.016.731.367.885	6.243.078.429.249
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(126.099.723.642)	(75.317.052.553)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		60.406.749.261	22.045.328.209
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(33.723.305.970.369)	(36.083.817.752.133)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		30.521.492.197.390	30.805.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(204.771.087.500)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.977.546.976.380	
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.506.801.236.958	1.854.318.533.160
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		12.070.378.478	(3.477.040.205.461)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	84.226.229.694.440	72.369.835.479.230
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(80.866.099.911.845)	(72.745.779.245.387)
36	Cổ tức đã trả	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.230.832.237.405)	(3.125.943.766.152)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(202.030.491.042)	(359.905.542.364)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.780.128.276.727	4.139.929.685.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 32.157 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139).

Cơ cấu tổ chức

				Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	99,99978	-
(2) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (**)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	-	99,999994
(3) MWG (Cambodia) Co., Ltd (***)	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Giải thể	-	100
Công ty liên doanh					
(4) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang") với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

(***) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày-kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Đồng hồ, mắt kính	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vật tư lắp đặt	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh* (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- Chênh lệch giữa giá phi đầu tư của bên mua/ giá thanh lý của bên bán và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cân trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, đã bán, đã cung cấp hoặc đã bán giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa tương tự.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số liệu dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	254.143.283.239	254.936.889.384
Tiền gửi ngân hàng	3.270.924.090.558	3.264.205.303.902
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	60.986.103.441
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	20.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.414.244.731.666	20.414.244.731.666	19.463.430.958.687	19.463.430.958.687	
Đầu tư khác (ii)	13.626.300.000.000	13.626.300.000.000	13.214.114.712.329	13.214.114.712.329	
	6.787.944.731.666	6.787.944.731.666	6.249.316.246.358	6.249.316.246.358	
Dài hạn					
Đầu tư khác (iii)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
TỔNG CỘNG	21.814.244.731.666	21.814.244.731.666	19.463.430.958.687	19.463.430.958.687	

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	233.388.024.089	226.617.206.822
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	87.192.506.673	59.659.077.990
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	80.463.411.137	82.179.250.662
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.119.673.829	-
- Khác	59.612.432.450	84.778.878.170
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	161.176.383.153	15.151.657.909
TỔNG CỘNG	394.564.407.242	241.768.864.731

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SIS Equipment Limited	16.065.732.453	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	11.290.331.762	3.720.667.458
Công ty TNHH Supply Chain (Vietnam)	4.008.674.298	-
Công ty TNHH TM Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	1.123.223.090	-
Khác	7.810.414.502	3.905.057.359
TỔNG CỘNG	40.298.376.105	7.625.724.817

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	923.425.890.174	1.033.855.581.408
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	293.014.411.725	177.001.918.901
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	80.700.216.538	95.772.412.644
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	76.710.001.156	123.491.899.918
- Công ty TNHH Panasonic	42.565.091.432	35.126.516.454
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	37.284.502.503	76.666.694.500
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	34.802.828.518	78.168.874.253
- Khác	358.348.838.302	447.627.264.738
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	652.270.392.374	473.574.535.117
Khác	74.276.215.469	50.191.500.103
TỔNG CỘNG	1.649.972.498.017	1.557.621.616.628
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên khác	1.609.369.815.051	1.526.485.997.966
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.602.682.966	31.135.618.662
(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.455.502.863.780	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ, mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Vật tư lắp đặt	99.657.560.121	-
Dược phẩm	-	430.955.064.491
Vitamin và thực phẩm chức năng	-	114.364.004.984
Mỹ phẩm	-	42.489.932.374
Trang thiết bị y tế cá nhân	-	30.178.422.899
Hàng hóa khác	163.480.901.138	350.801.936.157
TỔNG CỘNG	23.368.695.775.234	18.868.713.558.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
GIÁ TRỊ THUẦN	22.759.101.620.225	18.445.615.872.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	340.599.769.383	274.785.229.426
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	263.916.355.612
Công cụ, dụng cụ	38.244.291.996	3.481.921.978
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	24.176.325.301	1.845.561.507
Khác	31.444.873.091	5.541.390.329
Dài hạn	12.420.343.336	26.054.627.592
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.423	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	3.842.218.515
Khác	1.332.449.407	2.024.247.911
TỔNG CỘNG	353.020.112.719	300.839.857.018

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Mua trong năm	31.279.267.150	-	3.333.033.483	34.612.300.633
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Tặng do mua công ty con	9.410.734.443	66.152.043.843	729.023.115	76.291.801.401
Thanh lý	(281.555.915.644)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(359.626.831.578)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(325.130.148.676)	-	(8.337.649.580)	(333.467.798.256)
Số cuối năm	8.221.877.694.621	360.538.843.439	872.122.822.393	9.454.539.360.453
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.704.877.185.241	144.172.271.108	779.571.524.595	6.628.620.980.944
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Khấu hao trong năm	(711.033.751.349)	(28.715.798.947)	(30.107.974.191)	(769.857.524.487)
Tặng do mua công ty con	(2.212.352.875)	(7.392.474.809)	(203.225.229)	(9.808.052.913)
Thanh lý	217.746.483.520	618.616.055	75.484.637.683	293.849.737.258
Giảm do chuyển nhượng công ty con	216.541.178.683	-	5.590.951.515	222.132.130.198
Số cuối năm	(7.554.235.489.052)	(261.325.953.888)	(824.504.004.688)	(8.640.065.447.628)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070
Số cuối năm	667.642.205.569	99.212.889.551	47.618.817.705	814.473.912.825

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	(53.526.696.627)	(53.526.696.627)
Số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	-	36.771.076.200
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	10.772.197.700	-	10.772.197.700
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Hao mòn trong năm	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	21.410.678.650	21.410.678.650
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	-	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139
Số cuối năm	25.998.878.500	-	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	371.159.064.528	242.035.797.830

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm	286.632.252.729
Tăng trong năm	104.772.187.500
Số cuối năm	391.404.440.229
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm	(44.596.454.899)
Phần lãi từ công ty liên doanh trong năm	24.351.079.198
Số cuối năm	(20.245.375.701)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	242.035.797.830
Số cuối năm	371.159.064.528

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	9.633.273.278.640	9.633.273.278.640	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	997.223.502.161	997.223.502.161	460.712.788.052	460.712.788.052	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	756.976.130.250	756.976.130.250	131.287.827.660	131.287.827.660	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	666.723.063.260	666.723.063.260	494.430.598.816	494.430.598.816	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	542.129.799.607	542.129.799.607	328.278.198.699	328.278.198.699	
- Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam	511.561.974.100	511.561.974.100	368.233.274.979	368.233.274.979	
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	463.897.487.034	463.897.487.034	283.926.664.042	283.926.664.042	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	431.237.672.191	431.237.672.191	319.793.975.590	319.793.975.590	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	306.843.068.741	306.843.068.741	330.376.839.713	330.376.839.713	
- Khác	4.956.680.581.296	4.956.680.581.296	3.390.042.401.739	3.390.042.401.739	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	68.321.177.526	68.321.177.526	218.027.359.350	218.027.359.350	
TỔNG CỘNG	9.701.594.456.166	9.701.594.456.166	6.325.109.928.640	6.325.109.928.640	

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Tăng do mua công ty con	Số cuối năm
						VND
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	94.214.349.481	17.354.857.206.611	(17.196.345.628.158)	(47.563.519.235)	3.467.374.921	208.629.783.600
Khác	1.000.000	-	-	(1.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	94.215.349.481	17.354.857.206.611	(17.196.345.628.158)	(47.564.519.235)	3.467.374.921	208.629.783.600
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	-	14.592.121.721	595.317.465.129
Thuế giá trị gia tăng	173.908.871.575	14.695.239.248.609	(14.677.294.015.665)	(403.204.341)	5.139.204.438	196.590.104.616
Thuế thu nhập cá nhân	7.770.344.193	292.507.414.170	(285.406.926.549)	(270.811.884)	3.374.567.265	17.974.587.215
Thuế khác	661.509.384	20.837.515.363	(20.130.833.072)	(8.042.737)	-	1.360.148.938
TỔNG CỘNG	585.548.459.406	16.647.486.972.708	(16.444.216.940.698)	(682.058.962)	23.105.893.444	811.242.325.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thường nhân viên	2.479.282.385.291	1.539.705.905.611
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	224.958.196.974
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	81.764.402.600
Chi phí lãi vay	73.959.748.135	55.467.614.302
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Khác	66.677.492.044	38.230.447.272
TỔNG CỘNG	3.304.053.527.878	2.109.806.224.937

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phiếu mua hàng	401.754.944.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	421.731.560.848
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	73.516.016.766	66.866.726.070
Nhận ký quỹ	68.929.297.668	21.240.000.000
Khác	44.872.915.705	64.704.294.729
TỔNG CỘNG	842.798.429.389	683.193.526.335
Trong đó:		
Phải trả bên khác	837.354.009.915	665.974.220.408
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	5.444.419.474	17.219.305.927

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do mua công ty con	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Số cuối năm
VND						
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	19.930.172.643.525	84.226.229.694.440	(80.866.099.911.845)	218.724.988.327	(79.913.096.797)	23.429.114.317.650
Trong đó:						
Số có khả năng trả nợ Vay ngắn hạn	19.930.172.643.525					23.429.114.317.650

22.1 Vay ngắn hạn ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	

Các khoản vay tín chấp ngân hàng

	23.429.114.317.650	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026
--	--------------------	---

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
					VND
Năm trước					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.185.327.441.227	-	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	-	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức	-	-	(2.749.999.999.995)	-	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Năm nay					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	5.801.785.231.728	-	5.801.785.231.728
Chia cổ tức (i)	-	-	(8.700.000.000.000)	-	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (ii)	6.542.278.210.000	-	(6.542.278.210.000)	-	-
Góp vốn bằng tiền (iii)	109.037.980.000	-	-	-	109.037.980.000
Phụ trội hợp nhất (iv)	-	-	-	1.073.331.174.380	1.073.331.174.380
Số cuối năm	* 11.012.835.000.000	-	5.714.405.436.127	1.073.331.174.380	17.800.571.610.507

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000.000) cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2025 ngày 10 tháng 7 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.
- (iv) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025. Theo đó, An Khang không còn là công ty con trực tiếp của Công ty.

Các nghiệp vụ chuyển nhượng trên được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì cả Công ty và các công ty con trước và sau khi được tái cơ cấu đều dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di Động. Theo đó, nghiệp vụ thanh lý An Khang và nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ như được trình bày tại Thuyết minh 3.11 nêu trên. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá chuyển nhượng/ giá phí hợp nhất kinh doanh với giá trị là 1.073.331.174.380 VND được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất ở mục vốn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đã góp

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	435.910.240	99,94
Các cá nhân	11.507.900	1,045	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	1.101.283.500	100,00	436.151.881	100,00

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	110.387.157.888.454	94.240.556.174.175
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	109.691.248.450.687	93.699.151.069.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.405.104.683
Các khoản giảm trừ doanh thu	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Hàng bán bị trả lại	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Doanh thu thuần	109.479.188.452.846	93.356.607.723.985
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	108.783.279.015.079	92.815.202.619.302
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.405.104.683

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.688.542.075.035	1.495.875.026.170
Chiết khấu thanh toán	152.032.478.019	174.720.514.674
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
TỔNG CỘNG	1.842.889.655.874	1.673.177.566.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng và cung cấp dịch vụ	89.992.477.524.267	76.267.199.511.301

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	970.038.874.515	698.026.126.670
Khác	3.338.728.172	2.499.678.939
TỔNG CỘNG	973.377.602.687	700.525.805.609

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	9.960.990.653.627	10.476.983.983.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.538.430.739	5.459.677.407.059
Chi phí nhân viên	2.937.379.216.938	3.759.056.713.675
Chi phí khấu hao và hao mòn	775.064.968.744	1.086.144.209.649
Khác	332.008.037.206	172.105.652.688
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.179.187.654.912	2.456.442.534.973
Chi phí nhân viên	2.698.643.340.323	1.892.183.682.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.936.059.085	507.349.064.478
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.225.405	172.326.216
Khác	10.463.030.099	56.737.461.988
TỔNG CỘNG	13.140.178.308.539	12.933.426.518.044

28. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	6.037.584.111	346.732.657.507
Khác	7.653.032.808	10.351.187.666
TỔNG CỘNG	13.690.616.919	357.083.845.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	89.992.477.524.267	76.267.199.511.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.386.474.489.824	5.967.026.471.537
Chi phí nhân viên	5.636.022.557.261	5.651.240.395.966
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	775.210.194.149	1.086.316.535.865
Chi phí khác	342.471.067.305	228.843.114.676
TỔNG CỘNG	103.132.655.832.806	89.200.626.029.345

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(171.989.320.515)	(196.477.162.710)
TỔNG CỘNG	1.466.913.474.051	1.029.943.456.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.453.739.741.156	949.302.885.850
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ từ các công ty con	22.591.965.919	73.688.330.722
(Lãi) lỗ từ công ty liên doanh	(4.870.215.840)	8.919.290.980
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	4.242.893.609	1.679.187.472
Doanh thu không chịu thuế	(4.188.860.191)	-
Chi phí phân bổ thương hiệu	1.070.533.933	1.070.533.933
Lỗ chuyển nhượng công ty con	(13.096.730.347)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.466.913.474.051	1.029.943.456.082

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí phải trả	184.384.575.082	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng chi phí khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>433.735.079.015</u>	<u>253.979.656.675</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>171.989.320.515</u>	<u>196.477.162.710</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Zynstra Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Purple Wifi Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000
	Vay	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561
	Mua dịch vụ	4.859.720.750	10.976.934.322
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855
	Bán dịch vụ	23.048.400.000	22.451.542.601
	Mua tài sản cố định	4.737.859.924	1.152.583.342
	Bán tài sản cố định	3.736.005.676	1.812.709.581
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444
	Mua dịch vụ	-	23.664.451.617
	Chi phí điện	-	7.499.534.260
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385
Công ty TNHH Thương Mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.314.359.885	15.055.043.664	
	Bán dịch vụ	9.926.884.800	-	
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	-	
	Bán dịch vụ	1.982.128.055	-	
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	-	96.614.245	
		161.176.383.153	15.151.657.909	
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế giới Di động	Tạm ứng cổ tức	20.634.327.611	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-	
	Cho thuê	2.074.355.898	14.119.569.377	
	Chi hộ	428.418.548	3.674.261.934	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265	
Công ty TNHH Đầu Tư Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-	
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	-	
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	-	4.333.954.056	
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030	
		40.602.682.966	31.135.618.662	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.798.323.713	56.719.498.474	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.108.951.223	5.473.324.841	
	Mua dịch vụ	-	406.513.722	
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	-	
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thuê cửa hàng	1.842.334	-	
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	-	153.304.334.357	
	Mua công cụ, dụng cụ	-	2.123.687.956	
		68.321.177.526	218.027.359.350	
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	3.586.085.196	-	
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	1.840.887.467	-	
	Mua vật dụng, thiết bị	13.302.000	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	4.144.811	12.802.224	
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ Công ty	-	620.202.279	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424	
		5.444.419.474	17.219.305.927	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154
TỔNG CỘNG		2.674.906.755	2.563.329.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	1.101.283.500	1.090.379.702
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.268	3.409

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đến 1 năm	2.149.789.570.650	2.222.354.638.429
Từ 1 đến 5 năm	5.864.629.759.677	6.210.842.143.143
Trên 5 năm	1.678.824.520.706	1.983.888.658.902
TỔNG CỘNG	9.693.243.851.033*	10.417.085.440.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- ▶ Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành các sản phẩm này; và
- ▶ Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm kinh doanh dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

809-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Ngành hàng điện tử và giới dụng	Ngành hàng được mỹ phẩm	Loại trừ	VNO Tổng cộng
<i>Doanh thu</i>				
Từ bán hàng ra bên ngoài	107.304.831.302.466	2.174.357.150.380	-	109.479.188.452.846
Giữa các bộ phận	18.408.240.373	-	(18.408.240.373)	-
Tổng cộng doanh thu	107.323.239.542.839	2.174.357.150.380	(18.408.240.373)	109.479.188.452.846
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	19.075.913.356.076	410.797.572.503	-	19.486.710.928.579
<i>Chi phí không phân bổ</i>				(13.140.178.308.539)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				6.346.532.620.040
Doanh thu hoạt động tài chính				1.842.889.655.874
Chi phí tài chính				(973.377.602.667)
Phản lãi trong công ty liên doanh				24.351.079.198
Lỗ khác				28.302.953.354
Lợi nhuận kế toán trước thuế				7.268.698.705.779
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.638.902.794.566)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				171.989.320.515
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				5.801.785.231.728
<i>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	56.936.483.242.111	-	-	56.936.483.242.111
Tài sản không phân bổ				(20.245.375.701)
Tổng tài sản				56.916.237.866.410
Nợ phải trả của bộ phận	39.115.666.255.903	-	-	39.115.666.255.903
Tổng nợ phải trả				39.115.666.255.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

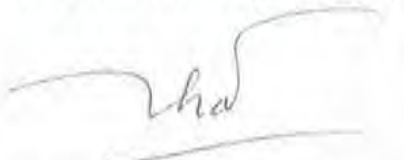
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Ngành hàng được mỹ phẩm	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877	-	93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	6.537.037	(15.346.240.705)	-
Tổng cộng doanh thu	91.100.237.041.776	2.271.716.922.914	(15.346.240.705)	93.356.607.723.985
Lợi nhuận gộp của bộ phận	18.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phân lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.899)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				186.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				3.716.570.973.167
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	48.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				49.472.143.167.469
Nợ phải trả của bộ phận				
	29.647.026.070.597	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				29.955.725.943.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG THỰC
Ngày 26 tháng 2 năm 2026 BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 28-02-2026

Số CT: 002594-02 /SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Quý

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Doan Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12840339/68619255-25

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.547.391.181.642	45.902.380.724.646
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.403.397.507.734	3.754.805.560.503
111	1. Tiền		3.383.397.507.734	3.554.805.560.503
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.899.244.731.666	19.102.380.958.687
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.899.244.731.666	19.102.380.958.687
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.066.736.913.128	4.936.884.751.500
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	379.182.509.097	242.858.186.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	19.670.529.397	7.159.329.837
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.055.000.000.000	3.148.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.612.883.874.634	1.538.867.235.628
140	IV. Hàng tồn kho	10	22.644.526.000.391	17.799.509.595.546
141	1. Hàng tồn kho		23.254.120.155.400	18.222.607.281.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		533.486.028.723	308.799.858.410
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	328.323.620.044	268.727.941.201
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		205.162.408.679	40.071.917.209
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.796.459.687.903	4.330.406.226.155
210	I. Phải thu dài hạn		238.569.002.397	249.488.689.910
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.569.002.397	249.488.689.910
220	II. Tài sản cố định		773.989.042.837	1.432.227.787.469
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	747.990.164.337	1.406.228.908.969
222	Nguyên giá		9.378.247.559.052	9.622.024.554.678
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.630.257.394.715)	(8.215.795.645.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		54.108.981.914	4.941.859.483
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.291.403.340.229	2.365.056.004.466
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	499.998.900.000	2.780.912.391.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	391.404.440.229	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	-	(702.488.640.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		438.389.320.526	278.691.884.827
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	24.712.228.152
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	425.968.977.190	253.979.656.675
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.343.850.869.545	50.232.786.950.801

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		38.523.034.983.359	29.630.943.884.937
310	I. Nợ ngắn hạn		38.523.034.983.359	29.630.943.884.937
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.818.045.442.335	6.158.175.789.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	190.583.985.818	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	788.136.432.454	584.027.449.484
314	4. Phải trả người lao động		155.620.813.000	132.002.387.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.950.957.104.342	2.081.533.490.879
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	782.867.096.513	660.361.365.396
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.210.389.329.323	19.834.373.683.834
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.820.815.886.186	20.601.843.065.864
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	17.820.815.886.186	20.601.843.065.864
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.807.980.886.186	16.240.324.255.864
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		5.698.046.045.864	12.136.167.990.967
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.109.934.840.322	4.104.156.264.897
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.343.850.869.545	50.232.786.950.801

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	108.231.208.978.447	91.984.185.491.966
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	107.323.239.542.839	91.100.237.041.776
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 30	(88.247.326.186.763)	(74.466.066.849.425)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.075.913.356.076	16.634.170.192.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	1.811.909.118.359	1.651.587.260.364
22	7. Chi phí tài chính	26	(1.032.317.409.062)	(729.376.295.214)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(963.495.029.153)	(695.030.896.275)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(9.438.044.684.329)	(9.817.744.811.062)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(3.147.403.940.405)	(2.400.236.185.298)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.270.056.440.639	5.338.400.161.141
31	11. Thu nhập khác	29	20.217.645.168	19.192.653.348
32	12. Chi phí khác	29	(13.425.771.434)	(223.493.093.510)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	6.791.873.734	(204.300.440.162)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.276.848.314.373	5.134.099.720.979
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(1.638.902.794.566)	(1.226.420.618.792)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.1	171.989.320.515	196.477.162.710
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.809.934.840.322	4.104.156.264.897

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

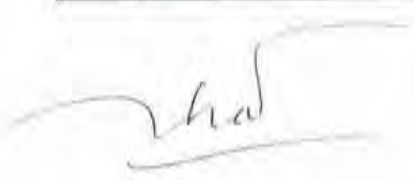
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		7.276.848.314.373	5.134.099.720.979
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	707.557.241.718	994.223.949.422
03	Dự phòng		205.754.863.290	252.798.371.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.587.041.135.286)	(1.255.427.459.061)
06	Chi phí lãi vay	26	963.495.029.153	695.030.896.275
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.566.557.181.276	5.820.621.345.664
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(198.242.089.700)	251.139.153.256
10	Tăng hàng tồn kho		(5.031.512.873.916)	(584.278.955.858)
11	Tăng các khoản phải trả		5.245.690.799.823	2.311.722.882.391
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(47.303.794.027)	41.306.775.957
14	Tiền lãi vay đã trả		(946.150.343.337)	(697.703.416.908)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.127.653.714.707	6.210.381.069.013
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(107.727.110.289)	(73.706.337.363)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		59.467.850.582	20.162.822.027
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(33.214.305.970.369)	(35.447.767.752.133)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.110.442.197.390	30.485.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(604.771.087.500)	(161.845.720.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.010.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.482.721.595.249	1.837.574.645.613
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(264.172.524.937)	(3.339.851.604.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	83.635.790.812.961	71.945.209.169.190
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(80.259.775.167.472)	(72.384.957.974.646)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.214.946.374.511)	(3.189.748.805.451)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(351.465.184.741)	(319.219.340.438)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.754.805.560.503	4.073.920.767.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.403.397.507.734	3.754.805.560.503


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 24.494 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22.367).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất đúng.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	254.143.283.239	253.640.822.336
Tiền gửi ngân hàng	3.096.166.680.635	3.242.417.073.848
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	58.747.664.319
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	20.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.403.397.507.734</u>	<u>3.754.805.560.503</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.899.244.731.666	19.899.244.731.666	19.102.380.958.687	19.102.380.958.687	
Đầu tư khác (ii)	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000	12.903.064.712.329	12.903.064.712.329	
	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666	6.199.316.246.358	6.199.316.246.358	
Dài hạn					
Đầu tư khác (iii)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
TỔNG CỘNG	21.299.244.731.666	21.299.244.731.666	19.102.380.958.687	19.102.380.958.687	

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	230.145.702.414	226.617.206.822
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	87.192.506.673	59.659.077.990
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	80.463.411.137	82.179.250.662
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.119.673.829	-
- Khác	56.370.110.775	84.778.878.170
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	149.036.806.683	16.240.979.213
TỔNG CỘNG	379.182.509.097	242.858.186.035

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	11.290.331.762	3.720.667.458
Công ty TNHH SCT Supply Chain (Vietnam)	4.008.674.298	-
Khác	4.371.523.337	3.438.662.379
TỔNG CỘNG	19.670.529.397	7.159.329.837

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu nhà cung cấp (i)	923.425.890.174	1.023.969.243.621
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	293.014.411.725	177.001.918.901
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	80.700.216.538	95.772.412.644
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	76.710.001.156	123.491.899.918
- Công ty TNHH Panasonic	42.565.091.432	35.126.516.454
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	37.284.502.503	76.666.694.500
- Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	34.802.828.518	78.168.874.253
- Khác	358.348.838.302	437.740.926.951
Phải thu lãi tiền gửi	641.319.967.713	465.479.191.828
Các khoản khác	48.138.016.747	49.418.800.179
TỔNG CỘNG	1.612.883.874.634	1.538.867.235.628
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác bên khác	1.589.290.147.241	1.507.642.512.196
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)	23.593.727.393	31.224.723.432
(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.440.584.804.067	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ và mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Hàng hóa khác	163.480.901.138	322.683.084.156
TỔNG CỘNG	23.254.120.155.400	18.222.607.281.484
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
GIÁ TRỊ THUẦN	22.644.526.000.391	17.799.509.595.546

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	328.323.620.044	268.727.941.201
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	258.309.167.896
Công cụ, dụng cụ	30.613.951.287	3.031.821.469
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	21.119.645.276	6.959.800.062
Khác	29.855.744.486	427.151.774
Dài hạn	12.420.343.336	24.712.228.152
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.422	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	2.499.819.075
Chi phí khác	1.332.449.408	2.024.247.911
TỔNG CỘNG	340.743.963.380	293.440.169.353

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Mua mới	13.612.368.083	-	2.627.319.197	16.239.687.280
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Thanh lý	(280.530.011.471)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(358.600.927.405)
Số cuối năm	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.704.877.185.241	144.172.271.108	779.571.524.595	6.628.620.980.944
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Khấu hao trong năm	(650.256.872.843)	(28.715.798.947)	(28.584.569.928)	(707.557.241.718)
Thanh lý	216.992.238.974	618.616.055	75.484.637.683	293.095.492.712
Số cuối năm	(7.552.023.136.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969
Số cuối năm	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính
	Tổng cộng	
Nguyên giá:		
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm và cuối năm	-	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	-

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Dự phòng	Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ thuốc và dược phẩm	-	-	99,999994	2.078.423.751.737
MWG (Cambodia) Co., Ltd (iii)	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	-	-	100,00	702.488.640.000 (702.488.640.000)
TỔNG CỘNG				499.998.900.000	2.780.912.391.737	(702.488.640.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.
- (ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.
- (iii) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số tiền	Dư phòng	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Dư phòng	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	%	VND	VND	%
PT Era Blu Elektronik	391.404.440.229	-	45	286.632.252.729	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656	5.943.240.953.220	5.943.240.953.220	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	997.223.502.161	997.223.502.161	460.712.788.052	460.712.788.052	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	756.976.130.250	756.976.130.250	131.287.827.660	131.287.827.660	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	666.723.063.260	666.723.063.260	494.430.598.816	494.430.598.816	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	542.129.799.607	542.129.799.607	328.278.198.699	328.278.198.699	
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	511.561.974.100	511.561.974.100	368.233.274.979	368.233.274.979	
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	454.259.048.400	454.259.048.400	283.926.664.042	283.926.664.042	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	431.237.672.191	431.237.672.191	319.793.975.590	319.793.975.590	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	306.843.068.741	306.843.068.741	330.376.839.713	330.376.839.713	
- Khác	4.905.511.088.946	4.905.511.088.946	3.226.200.785.669	3.226.200.785.669	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	245.580.094.679	245.580.094.679	214.934.835.897	214.934.835.897	
TỔNG CỘNG	9.818.045.442.335	9.818.045.442.335	6.158.175.789.117	6.158.175.789.117	

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	580.725.363.408
Thuế giá trị gia tăng	172.556.679.771	14.332.985.760.324	(14.314.091.539.917)	191.450.900.178
Thuế thu nhập cá nhân	7.632.870.613	284.843.021.084	(277.875.871.767)	14.600.019.930
Khác	630.164.846	20.154.299.546	(19.424.315.454)	1.360.148.938
TỔNG CỘNG	584.027.449.484	16.276.885.875.520	(16.072.776.892.550)	788.136.432.454

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	2.157.062.672.016	1.521.285.418.010
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	220.288.299.910
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	76.992.803.097
Chi phí lãi vay	72.706.064.104	55.361.378.288
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Chi phí vận chuyển	8.471.523.316	7.382.232.358
Khác	28.582.942.498	30.543.701.038
TỔNG CỘNG	2.950.957.104.342	2.081.533.490.879

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÁN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

21. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phiếu mua hàng	401.625.744.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	420.467.346.267
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	66.344.240.957	64.517.277.611
Nhận ký quỹ	22.215.000.000	20.995.000.000
Khác	38.956.856.306	45.730.796.830
TỔNG CỘNG	782.867.096.513	660.361.365.396
Trong đó:		
Phải trả bên khác	777.111.492.267	638.424.407.104
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	5.755.604.246	21.936.958.292

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Thu từ ố vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	19.834.373.683.834	83.635.790.812.961	(80.259.775.167.472)	23.210.389.329.323

Trong đó:				VND
Số có khả năng trả nợ				Số cuối năm
Vay ngắn hạn	19.834.373.683.834			23.210.389.329.323

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn
	VND		
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	23.210.389.329.323	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

			VND
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Năm nay:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.809.934.840.322	5.809.934.840.322
Chia cổ tức (i)	-	(8.700.000.000.000)	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (ii)	6.542.278.210.000	(6.542.278.210.000)	*
Góp vốn bằng tiền (iii)	109.037.980.000	-	109.037.980.000
Số cuối năm	11.012.835.000.000	6.807.980.886.186	17.820.815.886.186

- (i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000.000 VND) cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2025 ngày 10 tháng 07 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

23.2 Chi tiết vốn đã góp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	435.910.240	99,94
Các cá nhân	11.507.900	1,045	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	1.101.283.500	100,00	436.151.881	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đã góp (tiếp theo)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	108.231.208.978.447	91.984.185.491.966
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	107.535.299.540.680	91.442.773.850.246
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.411.641.720
Các khoản giảm trừ doanh thu	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Hàng bán bị trả lại	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Doanh thu thuần	107.323.239.542.839	91.100.237.041.776
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	106.627.330.105.072	90.558.825.400.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.411.641.720

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.658.562.371.134	1.475.367.891.228
Chiết khấu thanh toán	151.031.644.405	173.637.343.565
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
TỔNG CỘNG	1.811.909.118.359	1.651.587.260.364

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	88.247.326.186.763	74.466.066.849.425

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	963.495.029.153	695.030.896.275
Lỗ do chuyển nhượng công ty con	65.483.651.737	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	31.845.720.000
Khác	3.338.728.172	2.499.678.939
TỔNG CỘNG	1.032.317.409.062	729.376.295.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.788.373.724.490	5.280.173.606.311
Chi phí nhân viên	2.703.699.576.460	3.482.154.917.142
Chi phí khấu hao và hao mòn	707.412.016.313	994.051.623.206
Chi phí khác	238.559.367.066	61.364.664.403
TỔNG CỘNG	9.438.044.684.329	9.817.744.811.062

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.672.303.861.045	1.861.933.544.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.560.831.210	495.572.137.749
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.225.405	172.326.216
Chi phí khác	10.394.022.745	42.558.177.201
TỔNG CỘNG	3.147.403.940.405	2.400.236.185.298

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	20.217.645.168	19.192.653.348
Chi phí khác	13.425.771.434	223.493.093.510
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	6.037.584.111	219.940.432.167
Các khoản khác	7.388.187.323	3.552.661.343
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẬN	6.791.873.734	(204.300.440.162)

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	88.247.326.186.763	74.466.066.849.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.252.934.555.700	5.775.745.744.060
Chi phí nhân viên	5.376.003.437.505	5.344.088.461.274
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	707.557.241.718	994.223.949.422
Chi phí khác	248.953.389.811	103.922.841.604
TỔNG CỘNG	100.832.774.811.497	86.684.047.845.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(171.989.320.515)	(196.477.162.710)
TỔNG CỘNG	1.466.913.474.051	1.029.943.456.082

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.276.848.314.373	5.134.099.720.979
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.455.369.662.875	1.026.819.944.196
<i>Các điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí không được trừ	4.119.665.364	1.471.140.761
Dự phòng đầu tư nước ngoài	-	6.369.144.000
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.466.913.474.051	1.029.943.456.082

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	176.618.473.257	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	425.968.977.190	253.979.656.675		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			171.989.320.515	196.477.162.710

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000
	Vay	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	1.801.639.651.850	1.705.838.285.052
	Mua hàng hóa	440.346.829.083	463.353.422.465
	Bán hàng hóa và dịch vụ	32.421.685.242	30.716.400.000
	Bán tài sản cố định	1.259.122.225	636.753.358
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855
	Dịch vụ cho thuê	23.048.400.000	22.451.542.601
	Mua tài sản cố định	4.483.537.422	21.111.349
	Bán tài sản cố định	1.461.772.181	762.957.282
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	18.380.327.091	15.339.604.308
	Phiếu mua hàng	1.411.164.500	-
	Mua tài sản cố định	254.606.758	1.714.125.708
	Góp vốn	-	130.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-
Công ty Cổ phần Thẻ giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	-	31.845.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
VND			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.047.910.932	15.055.043.664
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	1.089.321.304
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	35.885.338	96.614.245
		149.036.806.683	16.240.979.213
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-
	Cho thuê	2.074.355.898	14.119.569.377
	Chi hộ	428.418.548	3.674.261.934
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	3.015.479.418	4.333.954.056
	Chi hộ	609.892.620	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	89.104.770
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030
		23.593.727.393	31.224.723.432
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	177.977.072.387	153.304.334.357
	Mua hàng hóa	459.076.755	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.047.259.724	56.012.713.892
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	4.682.783.222	5.473.324.841
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	144.462.807
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	1.842.335	-
		245.580.094.679	214.934.835.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	3.586.085.196		-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	1.840.887.467	4.717.652.365	
Thợ Điện Máy Xanh	Chi hộ	324.700.765		-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chi hộ	3.930.818	12.802.224	
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	-	620.202.279	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424	
		5.755.604.246	21.936.958.292	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			VND
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154
TỔNG CỘNG		2.674.906.755	2.563.329.660

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.147.588.199.450	2.138.748.458.710
Từ 1 đến 5 năm	5.857.334.365.277	5.981.249.192.600
Trên 5 năm	1.678.410.700.706	1.949.689.552.190
TỔNG CỘNG	9.683.333.265.433	10.069.687.203.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 28-02-2026

Số CT 002595-02 /SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Thị Quý

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày ngày 31 tháng 3 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho lòng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.643.317.430.552	52.547.391.181.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.196.850.711.158	3.403.397.507.734
111	1. Tiền		3.196.850.711.158	3.383.397.507.734
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.626.681.104.010	24.595.564.699.379
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	24.626.681.104.010	24.595.564.699.379
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.587.873.567.976	1.370.416.945.415
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	286.626.289.203	379.182.509.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	27.009.338.163	19.670.529.397
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.274.237.940.610	971.563.906.921
140	IV. Hàng tồn kho	9	22.824.035.706.960	22.644.526.000.391
141	1. Hàng tồn kho		23.573.068.063.271	23.254.120.155.400
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		407.876.340.448	533.486.028.723
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	306.373.017.099	328.323.620.044
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.503.323.349	205.162.408.679
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.105.212.418.174	3.796.459.687.903
210	I. Phải thu dài hạn		242.148.183.417	238.569.002.397
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.148.183.417	238.569.002.397
220	II. Tài sản cố định		688.923.665.716	773.989.042.837
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	662.924.787.216	747.990.164.337
222	Nguyên giá		9.397.087.785.495	9.378.247.559.052
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.734.162.998.279)	(8.630.257.394.715)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
250	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.251.876.574	54.108.981.914
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	10.251.876.574	54.108.981.914
260	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.513.296.097.484	2.291.403.340.229
261	1. Đầu tư vào các công ty con	15.1	499.998.900.000	499.998.900.000
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	15.2	513.794.797.484	391.404.440.229
265	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000
270	V. Tài sản dài hạn khác		650.592.594.983	438.389.320.526
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.880.821.743	12.420.343.336
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	647.711.773.240	425.968.977.190
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.748.529.848.726	56.343.850.869.545

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.747.605.324.527	38.523.034.983.359
310	I. Nợ ngắn hạn		36.747.605.324.527	38.523.034.983.359
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	8.637.650.032.093	9.818.045.442.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	146.147.672.870	190.583.985.818
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	749.583.867.594	788.136.432.454
315	4. Phải trả người lao động		126.801.363.088	155.620.813.000
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.049.803.506.860	2.950.957.104.342
319	6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	19	612.715.630.272	536.936.718.444
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.365.160.720.117	782.867.096.513
321	8. Vay ngắn hạn	21	21.961.361.103.173	23.210.389.329.323
322	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		98.381.428.460	89.498.061.130
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	20.000.924.524.199	17.820.815.886.186
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.988.089.524.199	6.807.980.886.186
420a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		6.807.980.886.186	5.698.046.045.864
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.180.108.638.013	1.109.934.840.322
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.748.529.848.726	56.343.850.869.545

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.675.056.046.133	24.839.869.272.850
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(239.072.502.856)	(197.955.061.033)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.435.983.543.277	24.641.914.211.817
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(26.213.574.825.407)	(20.228.279.234.929)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.222.408.717.870	4.413.634.976.888
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	500.802.094.173	429.064.823.220
23	7. Chi phí tài chính	25	(323.829.330.014)	(200.837.695.020)
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		(322.270.011.669)	(279.378.983.204)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(2.588.743.367.186)	(2.000.251.904.609)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(1.087.255.542.639)	(758.859.830.858)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.723.382.572.205	1.882.750.369.621
31	11. Thu nhập khác		6.293.620.934	6.109.624.448
32	12. Chi phí khác		(173.738.786)	(2.669.520.976)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		6.119.882.148	3.440.103.472
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(771.136.612.392)	(380.292.182.958)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.1	221.742.796.052	2.102.682.734
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.180.108.638.013	1.508.000.972.869

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13	134.073.624.287	188.583.194.862
03	Dự phòng		148.321.568.632	11.990.839.619
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(913.927.127)	(48.240.903)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(458.500.560.036)	(382.110.172.612)
06	Chi phí đi vay	25	322.270.011.669	200.056.207.264
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.874.753.171.778	1.904.662.301.323
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(117.376.718.249)	(316.952.159.695)
10	Tăng hàng tồn kho		(318.947.907.871)	(611.888.566.984)
11	Tăng các khoản phải trả		(462.523.318.220)	2.226.186.021.848
12	(Tăng) giảm Chi phí chờ phân bổ		31.490.124.538	(2.380.025.636)
14	Chi phí đi vay đã trả		(312.463.479.121)	(216.972.008.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(760.231.252.362)	(415.064.214.814)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		934.700.620.493	2.567.591.347.973
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(116.208.978.265)	(24.589.934.831)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		18.152.613.100	810.669.433
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(6.885.819.208.219)	(8.247.009.382.680)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		6.794.778.235.150	6.054.581.527.697
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.390.357.255)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		418.354.577.443	284.616.507.898
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		106.866.881.954	(1.931.590.612.483)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	21.899.652.103.930	17.460.104.406.287
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(23.148.680.330.080)	(19.642.079.844.340)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(500.000.000.005)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.249.028.226.150)	(2.681.976.438.058)

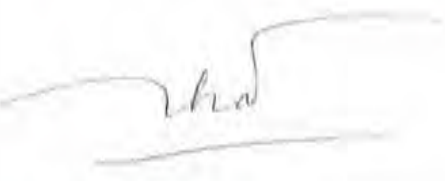
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(207.460.723.703)	(2.045.974.702.568)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.403.397.507.734	3.754.805.560.503
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		913.927.127	48.240.903
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.196.850.711.158	1.708.879.098.838


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026




Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKD") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Số Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 24.067 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 24.494).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để Ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nội trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành và áp dụng*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản liên thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền mặt	249.458.185.607	254.143.283.239
Tiền gửi ngân hàng	2.905.160.878.332	3.096.166.680.635
Tiền đang chuyển	42.231.647.219	33.087.543.860
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.196.850.711.158	3.403.397.507.734

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	24.626.681.104.010	24.626.681.104.010	24.595.564.699.379	24.595.564.699.379
Đầu tư khác (ii)	13.720.337.808.219	13.720.337.808.219	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000
Cho vay (iii)	5.970.445.496.516	5.970.445.496.516	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666
Phải thu lãi đầu tư	4.255.000.000.000	4.255.000.000.000	4.055.000.000.000	4.055.000.000.000
	680.897.799.275	680.897.799.275	641.319.967.713	641.319.967.713
Dài hạn				
Đầu tư khác (iv)	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
TỔNG CỘNG	26.126.183.504.010	26.126.183.504.010	25.995.564.699.379	25.995.564.699.379

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoán đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đổi tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

(iv) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu bên khác	242.617.733.548	230.145.702.414
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	61.572.522.080	87.192.506.673
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	114.059.066.451	80.463.411.137
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.039.363.737	6.119.673.829
- Khác	56.946.781.280	56.370.110.775
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	44.008.555.655	149.036.806.683
TỔNG CỘNG	286.626.289.203	379.182.509.097

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty TNHH MTV Thương Mai Aplus	15.834.295.520	-
Công ty TNHH Điện tử Asti	7.108.668.000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	-	11.290.331.762
Công ty TNHH SCT Supply Chain (Vietnam)	-	4.008.674.298
Khác	4.066.374.643	4.371.523.337
TỔNG CỘNG	27.009.338.163	19.670.529.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu nhà cung cấp (i)		
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	1.218.582.924.169	923.425.890.174
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	346.976.092.060	293.014.411.725
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	52.760.253.134	80.700.216.538
- Công ty TNHH Panasonic	85.422.796.380	76.710.001.156
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	67.687.659.317	42.565.091.432
- Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	54.516.322.621	37.284.502.503
- Khác	66.200.758.583	34.802.828.518
Các khoản khác	545.019.042.074	358.348.838.302
	55.655.016.441	48.138.016.747
TỔNG CỘNG	1.274.237.940.610	971.563.906.921
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	1.232.100.273.109	947.970.179.528
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	42.137.667.501	23.593.727.393
(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Điện thoại di động	9.079.370.887.648	10.436.899.938.796
Thiết bị điện tử	6.189.587.355.063	5.440.584.804.067
Thiết bị gia dụng	3.475.419.588.932	3.278.784.040.474
Máy tính xách tay	2.695.951.933.835	2.038.788.415.621
Phụ kiện	1.394.357.897.430	1.332.468.453.657
Máy tính bảng	332.679.828.973	381.398.358.512
Đồng hồ và mắt kính	202.069.333.087	181.715.243.135
Hàng hóa khác	203.651.238.303	163.480.901.138
TỔNG CỘNG	23.573.068.063.271	23.254.120.155.400
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
GIÁ TRỊ THUẬN	22.824.035.706.960	22.644.526.000.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngày 1 tháng 1		
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)
	609.594.155.009	423.097.685.938
Ngày 31 tháng 3	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn		
Chi phí thuê cửa hàng	306.373.017.099	328.323.620.044
Công cụ, dụng cụ	246.861.293.405	246.734.278.995
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.258.711.466	30.813.951.287
Khác	39.599.002.803	21.119.045.276
	17.654.009.425	29.855.744.486
Dài hạn		
Chi phí thuê cửa hàng	2.880.821.743	12.420.343.336
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	849.941.977	7.597.948.480
Công cụ, dụng cụ	2.026.260.596	2.518.804.422
Chi phí khác	-	971.141.026
	4.619.170	1.332.449.408
TỔNG CỘNG	309.253.838.842	340.743.963.380

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
Mua mới	8.131.275.523	-	304.836.354	8.436.111.877
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.156.597.358	-	-	58.156.597.358
Thanh lý	(32.244.204.741)	-	(15.508.278.051)	(47.752.482.792)
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	8.246.510.628.318	294.386.799.596	856.190.357.581	9.397.087.785.495
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.897.695.495.801	155.727.654.127	767.370.945.194	6.820.784.095.122
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.552.023.135.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
Khấu hao trong kỳ	(123.878.685.829)	(6.060.870.258)	(4.134.068.200)	(134.073.624.287)
Thanh lý	16.676.163.124	-	13.491.857.599	30.168.020.723
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(7.659.225.658.882)	(259.994.349.337)	(814.942.990.060)	(8.734.162.998.279)
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	587.284.969.436	34.392.450.259	41.247.367.521	662.924.787.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính

VND
Tổng cộng

Nguyên giá:

Ngày 31 tháng 12 năm
2025 và ngày 31 tháng 3
năm 2026

25.998.878.500

10.772.197.700

36.771.076.200

Giá trị hao mòn lũy kế:

Ngày 31 tháng 12 năm
2025 và ngày 31 tháng 3
năm 2026

-

(10.772.197.700)

(10.772.197.700)

Giá trị còn lại:

Ngày 31 tháng 12 năm
2025 và ngày 31 tháng 3
năm 2026

25.998.878.500

-

25.998.878.500

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

15.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
			Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tản Tâm) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	99,99978	499.998.900.000	-
TỔNG CỘNG				<u>499.998.900.000</u>	<u>-</u>		<u>499.998.900.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	%	VND	VND	%
PT Era Blu Elektronik	513.794.797.484	-	45	391.404.440.229	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.660.714,29 USD tương đương 122.390.357.255 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán					
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	8.375.701.871.286	8.375.701.871.286	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656	
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	1.131.989.926.980	1.131.989.926.980	454.259.048.400	454.259.048.400	
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà Nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	823.789.359.877	823.789.359.877	511.561.974.100	511.561.974.100	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	794.384.890.284	794.384.890.284	475.566.297.504	475.566.297.504	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	613.737.009.227	613.737.009.227	431.237.672.191	431.237.672.191	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	526.807.387.472	526.807.387.472	666.723.063.260	666.723.063.260	
- Hải Phòng	421.920.704.453	421.920.704.453	306.843.068.741	306.843.068.741	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phần phối Synnex FPT	319.860.481.813	319.860.481.813	542.129.799.607	542.129.799.607	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	299.154.597.811	299.154.597.811	756.976.130.250	756.976.130.250	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	108.939.500.444	108.939.500.444	997.223.502.161	997.223.502.161	
- Khác	3.335.118.012.925	3.335.118.012.925	4.429.944.791.442	4.429.944.791.442	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	261.948.160.807	261.948.160.807	245.580.094.679	245.580.094.679	
TỔNG CỘNG	8.637.650.032.093	8.637.650.032.093	9.818.045.442.335	9.818.045.442.335	

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước từ khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.725.363.408	771.136.612.392	(760.231.252.362)	591.630.723.438
Thuế giá trị gia tăng	191.450.900.178	3.662.081.475.713	(3.742.121.275.668)	111.411.100.223
Thuế thu nhập cá nhân	14.600.019.930	109.494.904.892	(78.824.621.190)	45.270.303.632
Khác	1.360.148.938	5.879.806.676	(5.968.215.313)	1.271.740.301
TỔNG CỘNG	788.136.432.454	4.548.592.799.673	(4.587.145.364.533)	749.583.867.594

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Thường nhân viên	2.121.562.258.115	2.157.062.672.016
Chi phí tiếp thị quảng cáo	416.084.339.970	365.569.840.291
Chi phí hỗ trợ lãi suất	199.539.331.851	172.645.066.666
Các khoản phải trả nhân viên	95.756.997.362	80.136.953.905
Chi phí lãi vay	82.512.596.652	72.706.064.104
Chi phí tiện ích	91.546.240.336	65.782.041.546
Chi phí vận chuyển	13.167.999.368	8.471.523.316
Khác	29.633.743.206	28.582.942.498
TỔNG CỘNG	3.049.803.506.860	2.950.957.104.342

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÂN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

20. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phiếu mua hàng	726.225.121.418	401.625.744.500
Thu hộ cước phí	443.263.163.447	253.725.254.750
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	52.446.032.019	66.344.240.957
Nhận ký quỹ	20.925.000.000	22.215.000.000
Khác	122.301.403.233	38.956.856.306
TỔNG CỘNG	1.365.160.720.117	782.867.096.513
Trong đó:		
Phải trả bên khác	1.291.510.491.248	777.111.492.267
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	73.650.228.869	5.755.604.246

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY NGÂN HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Thu từ để vay	Trả nợ vay	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2026
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	23.210.389.329.323	21.899.652.103.930	(23.148.680.330.080)	21.961.361.103.173

Trong đó:

Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn

23.210.389.329.323

21.961.361.103.173

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng

Ngày 31 tháng 3
năm 2026

VND

Ngày đáo hạn

Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo

21.961.361.103.173

Từ ngày 6 tháng 4 năm 2026 đến ngày 4 tháng 9 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.508.000.972.869	1.508.000.972.869
Chia cổ tức	-	(500.000.000.005)	(500.000.000.005)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	4.361.518.810.000	17.248.325.228.728	21.609.844.038.728
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.012.835.000.000	6.807.980.886.186	17.820.815.886.186
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.180.108.638.013	2.180.108.638.013
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	11.012.835.000.000	8.988.089.524.199	20.000.924.524.199

22.2 Chi tiết vốn đã góp

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	1.089.775.600	98,955
Các cá nhân	11.507.900	1,045	11.507.900	1,045
TỔNG CỘNG	1.101.283.500	100,00	1.101.283.500	100,00

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đã góp (tiếp theo)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Tổng doanh thu	32.675.056.046.133	24.839.869.272.850
Các khoản giảm trừ doanh thu Hàng bán bị trả lại	(239.072.502.856) (239.072.502.856)	(197.955.061.033) (197.955.061.033)
Doanh thu thuần	32.435.983.543.277	24.641.914.211.817

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	457.932.409.005	383.175.700.216
Chiết khấu thanh toán	41.725.583.655	45.252.898.375
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.144.101.513	636.224.629
TỔNG CỘNG	500.802.094.173	429.064.823.220

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	26.213.574.825.407	20.228.279.234.929

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí lãi vay	322.270.011.669	200.056.207.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	953.062.431	515.306
Khác	606.255.914	780.972.450
TỔNG CỘNG	323.829.330.014	200.837.695.020

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.647.978.576.226	1.138.025.146.119
Chi phí nhân viên	761.582.166.790	625.192.419.323
Chi phí khấu hao và hao mòn	134.034.010.397	188.556.811.125
Chi phí khác	45.148.613.772	48.477.528.042
TỔNG CỘNG	2.588.743.367.185	2.000.251.904.609

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí nhân viên	929.139.254.124	643.175.524.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.464.922.003	113.679.394.245
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.613.890	26.383.737
Chi phí khác	15.611.752.622	1.978.528.742
TỔNG CỘNG	1.087.255.542.639	758.859.830.858

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.213.574.825.407	20.228.279.234.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.790.443.498.229	1.251.704.540.364
Chi phí nhân viên	1.690.721.420.914	1.268.367.943.457
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	134.073.624.287	188.583.194.862
Chi phí khác	60.760.366.394	50.456.056.784
TỔNG CỘNG	29.889.573.735.231	22.987.390.970.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí thuế TNDN	768.724.782.489	380.292.182.958
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	771.136.612.392	380.292.182.958
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(221.742.796.052)	(2.102.682.734)
TỔNG CỘNG	549.393.816.340	378.189.500.224

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	545.900.490.871	377.238.094.619
Các điều chỉnh		
Điều chỉnh chi phí (thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí không được trừ	1.081.495.566	951.405.605
Chi phí thuế TNDN ước tính	549.393.816.340	378.189.500.224

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng		VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	
Chi phí phải trả	353.712.532.246	176.618.473.257	177.094.058.989	-	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.806.471.262	121.918.831.002	27.887.640.260	2.398.167.923	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	122.643.126.054	107.387.343.689	15.155.782.366	(1.479.345.329)	
Dự phòng chi phí bảo hành	19.676.285.692	17.899.612.226	1.776.673.468	-	
Dự phòng khấu hao	2.156.143.411	2.156.143.410	-	1.172.681.613	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(182.785.425)	(11.426.394)	(171.359.031)	11.178.527	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	647.711.773.240	425.968.977.190			
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			221.742.796.052	2.102.682.734	

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động
Công ty Zynstra tại Anh
Công ty Purple Wifi tại Anh
NEWT Natural Capital LLP tại Anh

Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	-	499.722.985.260
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	508.849.319.996	345.443.464.222
	Mua hàng hóa	67.052.593.749	61.653.781.510
	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.121.385.364	8.022.756.700
	Bán tài sản cố định	-	85.094.501
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phi dịch vụ	138.456.346.303	110.990.782.635
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	76.719.653.681	53.046.732.928
	Dịch vụ cho thuê	5.762.100.000	5.762.100.000
	Bán tài sản cố định	-	1.824.758.744
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	5.973.114.473	3.342.959.580
	Mua tài sản cố định	-	241.351.293
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	11.132.260.294	-
	Bán tài sản cố định	17.127.720.956	-
	Thuê mặt bằng	13.343.214.200	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	-	3.954.899.444
Ông Robert Alan Willett	Chi phí tư vấn	312.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	14.907.176.332	130.837.206.774
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa và dịch vụ	24.131.866.572	16.047.910.932
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.059.867.743	2.115.803.639
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	2.909.645.008	35.885.338
		44.008.555.655	149.036.806.683
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	-	6.912.000.817
	Cho thuê	-	2.074.355.898
	Chi hộ	651.165.296	428.418.548
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.350.762.255	7.573.719.423
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	15.385.778.132	3.015.479.418
	Chi hộ	-	609.892.620
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiên Tâm	Chuyển nhượng công ty con	-	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Chi hộ	24.084.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	76.252.485	39.760.669
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	18.649.625.333	-
		42.137.667.501	23.693.727.393
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	175.345.053.294	177.977.072.387
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua hàng hóa	46.736.860.055	459.076.755
	Mua dịch vụ	39.866.247.458	61.047.259.724
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	-	4.682.783.222
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	-	1.412.060.258
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	-	1.842.335
		261.948.160.807	245.580.094.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	6.557.588.007	3.586.085.196
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	7.308.181.499	1.840.887.467
Thợ Điện Máy Xanh	Thu hộ	10.300.038.558	324.700.765
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	8.351.919.738	3.930.818
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thu hộ	41.132.501.067	-
		73.650.228.869	5.755.604.246

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	1.511.367.757	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	418.200.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	208.320.000	241.967.755
TỔNG CỘNG		1.719.687.757	660.167.755

31. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Đến 1 năm	2.182.251.845.284	2.147.588.199.450
Từ 1 đến 5 năm	5.940.697.099.227	5.857.334.365.277
Trên 5 năm	1.670.259.200.994	1.678.410.700.706
TỔNG CỘNG	9.793.208.145.505	9.683.333.265.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)		VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.899.244.731.666	4.696.319.967.713	24.595.564.699.379
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.055.000.000.000	(4.055.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.612.883.874.634	(641.319.967.713)	971.563.906.921

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

PHẦN II
Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tái chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 43

THẾ GIỚI DI ĐỘNG

1/2

1/2

383212
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ĐIỆN MÁY
XANH - TP

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.656.943.199.832	53.565.566.103.895
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.312.678.561.377	3.578.154.917.657
111	1. Tiền		3.312.678.561.377	3.558.154.917.657
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.255.708.750.726	25.246.515.124.040
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	25.255.708.750.726	25.246.515.124.040
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.612.050.831.121	1.432.564.888.990
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	293.386.129.508	394.564.407.242
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	27.493.903.614	40.298.376.105
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.291.170.797.999	997.702.105.643
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.054.446.543.337	22.759.101.620.225
141	1. Hàng tồn kho		23.803.478.899.648	23.368.695.775.234
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		422.058.513.271	549.229.552.983
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	316.989.128.828	340.599.769.383
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	105.169.384.443	208.629.783.600
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.670.067.109.913	3.350.671.762.515
210	I. Phải thu dài hạn		242.354.683.417	238.775.502.397
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.354.683.417	238.775.502.397
220	II. Tài sản cố định		751.596.973.808	840.472.791.325
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	725.598.095.308	814.473.912.825
222	Nguyên giá		9.473.325.190.117	9.454.539.360.453
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.747.727.094.809)	(8.640.065.447.628)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
250	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.251.876.574	54.108.981.914
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	10.251.876.574	54.108.981.914
260	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.002.063.563.711	1.771.159.064.528
262	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	15	502.561.163.711	371.159.064.528
265	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000
270	V. Tài sản dài hạn khác		663.800.012.403	446.155.422.351
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.880.821.743	12.420.343.336
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.3	660.919.190.660	433.735.079.015
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		57.327.010.309.745	56.916.237.866.410

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B01a-DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		37.307.871.832.989	39.115.666.255.903
310	I. Nợ ngắn hạn		37.307.871.832.989	39.115.666.255.903
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	8.598.546.695.344	9.701.594.456.166
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	192.515.467.857	210.360.563.142
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	776.856.618.360	811.242.325.898
315	4. Phải trả người lao động		166.990.947.294	190.067.856.206
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.290.179.335.240	3.304.053.527.878
319	6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	19	612.715.630.272	536.936.718.444
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.412.994.935.077	842.798.429.389
321	8. Vay ngắn hạn	21	22.158.890.775.085	23.429.114.317.650
322	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		98.381.428.460	89.498.061.130
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	20.019.138.476.756	17.800.571.610.507
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.073.331.174.380	1.073.331.174.380
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.932.972.302.376	5.714.405.436.127
420a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		5.714.405.436.127	4.612.620.204.399
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.218.566.866.249	1.101.785.231.728
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		57.327.010.309.745	56.916.237.866.410



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng




Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.781.022.594.746	25.351.513.129.147
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(239.072.502.856)	(197.955.061.033)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.541.950.091.890	25.153.558.068.114
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 27	(26.300.728.779.400)	(20.627.386.516.636)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.241.221.312.490	4.526.171.551.478
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	512.117.161.815	436.151.968.360
23	7. Chi phí tài chính	25	(326.141.821.808)	(202.423.284.684)
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		(324.569.874.029)	(201.641.796.928)
25	8. Chi phí bán hàng	26, 27	(2.438.374.451.087)	(2.139.579.773.103)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 27	(1.225.141.003.222)	(771.423.462.048)
27	10. Phần lãi trong công ty liên doanh		9.011.741.928	3.129.774.300
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.772.692.939.916	1.852.026.774.303
31	12. Thu nhập khác		6.380.784.517	8.875.237.585
32	13. Chi phí khác		(3.632.263.878)	(4.337.131.020)
40	14. Lãi khác		2.748.520.839	4.538.106.565
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		2.775.441.460.755	1.856.564.880.868
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(784.058.706.153)	(380.292.182.956)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	227.184.111.647	2.102.682.734
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.218.566.866.249	1.478.375.380.644
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2.218.566.866.249	1.478.375.380.644
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.015	1.342
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.015	1.342

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiểm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 4 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

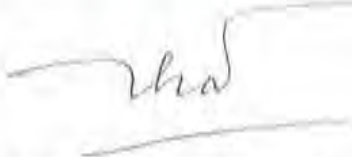
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.775.441.460.755	1.856.564.880.868
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	12, 13	137.829.667.906	205.451.868.228
03	Dự phòng		148.321.568.632	11.990.839.619
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(913.927.127)	(48.240.903)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(478.814.737.469)	(392.116.938.942)
06	Chi phí đi vay	25	324.569.874.029	201.641.796.928
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.906.433.906.726	1.883.484.205.798
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(79.604.723.992)	(315.306.802.147)
10	Tăng hàng tồn kho		(434.783.124.414)	(560.884.788.424)
11	Tăng các khoản phải trả		(465.976.745.678)	2.104.879.285.004
12	(Tăng) giảm Chi phí chờ phân bổ		33.250.162.148	(2.213.777.119)
14	Chi phí đi vay đã trả		(315.368.018.140)	(217.844.681.507)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(780.264.689.673)	(415.064.214.814)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		863.686.766.977	2.477.049.226.791
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(116.154.581.487)	(24.589.934.831)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		18.152.613.100	824.723.069
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(7.114.085.278.445)	(8.408.793.175.807)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		7.049.778.235.150	6.205.581.527.697
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.390.357.255)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		424.845.861.118	290.940.901.087
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		140.146.492.181	(1.936.035.958.785)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	21	22.101.481.775.842	17.652.457.126.709
34	Tiền thu từ đi vay	21	(23.371.705.318.407)	(19.751.444.561.031)
36	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(500.000.000.004)
	Cổ tức đã trả			
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.270.223.542.565)	(2.598.987.434.326)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(266.390.283.407)	(2.057.974.166.320)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.578.154.917.657	3.780.128.276.727
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		913.927.127	48.240.903
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.312.678.561.377	1.722.202.351.310



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiểm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiệu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 32.372 (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.157).

Cơ cấu tổ chức

				Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	99,99978	99,99978
Công ty liên doanh					
(2) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,99989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành và áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Đồng hồ, mắt kính	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vật tư lắp đặt	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2028 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phi đầu tư của bên mua/ giá thanh lý của bên bán và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ).

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự lùi khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa tương tự.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" (thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự định sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền mặt	249.458.525.607	254.143.283.239
Tiền gửi ngân hàng	3.020.995.085.551	3.270.624.090.558
Tiền đang chuyển	42.224.950.219	33.087.543.860
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.312.678.561.377	3.578.164.917.657

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BOS-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY BÁO HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	25.255.708.750.726	25.255.708.750.726	25.246.515.124.040	25.246.515.124.040	
Đầu tư khác (ii)	14.185.337.808.219	14.185.337.808.219	13.626.300.000.000	13.626.300.000.000	
Cho Vay (iii)	5.970.445.496.516	5.970.445.496.516	6.787.944.731.666	6.787.944.731.666	
Lãi dự thu	4.403.266.070.226	4.403.266.070.226	4.180.000.000.000	4.180.000.000.000	
	696.659.375.765	696.659.375.765	652.270.392.374	652.270.392.374	
Dài hạn					
Đầu tư khác (iv)	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	
	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	
TỔNG CỘNG	26.755.211.150.726	26.755.211.150.726	26.646.515.124.040	26.646.515.124.040	

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

(iv) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu khách hàng	247.094.444.935	233.388.024.089
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	61.572.522.080	87.192.506.673
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	114.059.066.451	80.463.411.137
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.039.363.737	6.119.673.829
- Khác	61.423.492.667	59.612.432.450
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	46.291.684.573	161.176.383.153
TỔNG CỘNG	293.386.129.508	394.564.407.242

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty TNHH MTV Thương Mại Aplus	15.834.295.520	-
Công ty TNHH Điện tử Asti	7.108.668.000	-
Công ty TNHH SIS Equipment Limited	-	16.065.732.453
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	-	11.290.331.762
Công ty TNHH Supply Chain (Vietnam)	-	4.008.674.298
Công ty TNHH TM Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	-	1.123.223.090
Khác	4.550.940.094	7.810.414.502
TỔNG CỘNG	27.493.903.614	40.298.376.105

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	1.218.582.924.169	923.425.890.174
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	346.976.092.080	293.014.411.725
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	54.516.322.621	80.700.216.538
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	85.422.796.380	76.710.001.156
- Công ty TNHH Panasonic	87.687.659.317	42.565.091.432
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	52.760.253.134	37.284.502.503
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	66.200.758.583	34.802.828.518
- Khác	545.019.042.074	358.348.838.302
Khác	72.587.873.830	74.276.215.469
TỔNG CỘNG	1.291.170.797.999	997.702.105.643
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên khác	1.264.417.723.203	957.099.422.677
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	26.753.074.796	40.602.682.966
(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Điện thoại di động	9.079.370.887.648	10.436.899.938.796
Thiết bị điện tử	6.201.894.759.286	5.455.502.863.780
Thiết bị gia dụng	3.475.419.588.932	3.278.784.040.474
Máy tính xách tay	2.695.951.933.835	2.038.788.415.621
Phụ kiện	1.394.357.897.430	1.332.468.453.657
Máy tính bảng	332.679.828.973	381.398.358.512
Đồng hồ, mắt kính	202.089.333.087	181.715.243.135
Vật tư lắp đặt	218.083.432.154	99.057.560.121
Hàng hóa khác	203.651.238.303	163.480.901.138
TỔNG CỘNG	23.803.478.899.648	23.368.695.775.234
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
GIÁ TRỊ THUẬN	23.054.446.543.337	22.759.101.620.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng phòng trong kỳ	809.594.155.009	423.097.685.938
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn	316.889.128.828	340.599.769.383
Chi phí thuê cửa hàng	246.861.293.405	246.734.278.995
Công cụ, dụng cụ	9.135.917.345	38.244.291.996
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	41.967.580.750	24.176.325.301
Khác	18.924.337.328	31.444.873.091
Dài hạn	2.880.821.743	12.420.343.336
Chi phí thuê cửa hàng	849.941.977	7.597.948.480
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.026.260.596	2.518.804.423
Công cụ, dụng cụ	-	971.141.026
Khác	4.619.170	1.332.449.407
TỔNG CỘNG	319.769.950.571	353.020.112.719

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.221.877.694.619	360.538.843.439	872.122.822.395	9.454.539.360.453
Mua trong kỳ	7.976.951.472	-	404.763.627	8.381.715.099
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.156.597.358	-	-	58.156.597.358
Thanh lý	(32.244.204.742)	-	(15.508.278.051)	(47.752.482.793)
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	8.255.767.038.707	360.538.843.439	857.019.307.971	9.473.325.190.117
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.897.665.495.801	155.727.654.127	767.370.945.194	6.820.784.095.122
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.554.235.489.052)	(261.325.953.888)	(824.504.004.688)	(8.640.065.447.628)
Khấu hao trong kỳ	(124.335.771.562)	(9.321.713.461)	(4.172.182.853)	(137.829.667.906)
Thanh lý	16.676.163.125	-	13.491.857.600	30.168.020.725
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(7.661.895.097.519)	(270.647.667.349)	(815.184.329.941)	(8.747.727.094.809)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	667.642.205.567	99.212.889.551	47.618.817.707	814.473.912.825
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	593.871.941.188	89.891.176.090	41.834.978.030	725.598.095.308

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	-	25.998.878.500

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
		VND	VND
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	502.561.163.711	371.159.064.528

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn trị giá 4.660.714,29 USD tương đương 122.390.357.255 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND
	Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	391.404.440.229
Tăng trong kỳ	122.390.357.255
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	513.794.797.484
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(20.245.375.701)
Phần lãi từ công ty liên doanh trong kỳ	9.011.741.928
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(11.233.633.773)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	371.159.064.528
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	502.561.163.711

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRÁ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	8.557.007.408.147	8.557.007.408.147	9.633.273.278.640	9.633.273.278.640
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	1.132.278.826.980	1.132.278.826.980	463.897.487.034	463.897.487.034
- Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam	823.789.359.877	823.789.359.877	511.561.974.100	511.561.974.100
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	794.384.890.284	794.384.890.284	666.723.063.260	666.723.063.260
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	513.737.009.227	613.737.009.227	431.237.672.191	431.237.672.191
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà Nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	526.807.387.472	526.807.387.472	475.566.297.504	475.566.297.504
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	421.920.704.453	421.920.704.453	306.843.068.741	306.843.068.741
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	319.860.481.813	319.860.481.813	542.129.799.607	542.129.799.607
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	298.154.597.811	299.154.597.811	756.976.130.250	756.976.130.250
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	108.939.500.444	108.939.500.444	997.223.502.161	997.223.502.161
- Khác	3.516.134.649.786	3.516.134.649.786	4.481.114.283.792	4.481.114.283.792
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	41.539.287.197	41.539.287.197	68.321.177.526	68.321.177.526
TỔNG CỘNG	8.598.546.695.344	8.598.546.695.344	9.701.594.456.166	9.701.594.456.166

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước từ khách hàng

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	<u>208.629.783.600</u>	<u>4.020.170.024.087</u>	<u>(4.123.630.423.244)</u>	<u>105.169.384.443</u>
TỔNG CỘNG	<u>208.629.783.600</u>	<u>4.020.170.024.087</u>	<u>(4.123.630.423.244)</u>	<u>105.169.384.443</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.317.485.129	784.058.706.153	(780.264.689.673)	599.111.501.609
Thuế giá trị gia tăng	196.590.104.616	3.721.188.424.031	(3.801.958.810.801)	115.819.717.846
Thuế thu nhập cá nhân	17.974.587.215	134.772.311.397	(92.293.240.008)	60.453.658.604
Thuế khác	<u>1.360.148.938</u>	<u>5.879.806.876</u>	<u>(5.968.215.313)</u>	<u>1.271.740.301</u>
TỔNG CỘNG	<u>811.242.325.898</u>	<u>4.645.899.248.257</u>	<u>(4.680.484.955.795)</u>	<u>776.656.618.360</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Thưởng nhân viên	2.338.005.441,621	2.479.282.385,291
Chi phí tiếp thị quảng cáo	429.801.408,561	365.569.840,291
Chi phí hỗ trợ lãi suất	199.539.331,851	172.645.066,666
Các khoản phải trả nhân viên	95.756.997,362	80.136.953,905
Chi phí lãi vay	83.161.604,024	73.959.748,135
Chi phí tiện ích	91.546.240,336	65.782.041,546
Khác	52.368.311,485	66.677.492,044
TỔNG CỘNG	3.290.179.335,240	3.304.053.527,878

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÁN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

20. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phiếu mua hàng	726.270.121,418	401.754.944,500
Thu hộ cước phí	443.263.163,447	253.725.254,750
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kính phí công đoàn	59.441,269,516	73.516,016,766
Nhận ký quỹ	67.793,052,676	68.929,297,668
Khác	116.227,328,020	44.872,915,705
TỔNG CỘNG	1.412.994.935,077	842.798,429,389
Trong đó:		
Phải trả bên khác	1.349,570,991,865	837,354,009,915
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	63,423,943,212	5,444,419,474

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2026
				VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	23.429.114.317.650	22.101.481.775.842	(23.371.705.318.407)	22.158.890.775.085
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ Vay ngắn hạn	23.429.114.317.650			22.158.890.775.085

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày đáo hạn
	VND	
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	22.158.890.775.085	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2026 đến ngày 4 tháng 9 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho Kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tính hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
				VND
Kỳ trước				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.361.618.810.000	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.478.375.380.644	-	1.478.375.380.644
Chia cổ tức	-	(500.000.000.004)	-	(500.000.000.004)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	4.361.618.810.000	16.133.273.795.039	-	20.494.792.605.039
Kỳ này				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.012.835.000.000	5.714.405.436.127	1.073.331.174.380	17.800.571.610.507
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.218.566.866.249	-	2.218.566.866.249
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	11.012.835.000.000	7.932.972.302.376	1.073.331.174.380	20.019.138.476.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (liếp theo)

22.2 Chỉ tiết vốn đã góp

Cổ đông	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	1.089.775.600	98,955
Các cá nhân	11.507.900	1,045	11.507.900	1,045
TỔNG CỘNG	1.101.283.500	100,00	1.101.283.500	100,00

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Tổng doanh thu	32.781.022.594.746	25.351.513.129.147
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	32.502.849.278.098	25.169.923.369.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	278.173.316.648	181.589.759.465
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(239.072.502.856)	(197.955.061.033)
Doanh thu thuần	32.541.950.091.890	25.153.558.068.114

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	469.234.844.509	390.038.638.611
Chiết khấu thanh toán	41.725.583.655	45.477.105.120
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.144.101.513	-
Khác	12.631.938	636.224.829
TỔNG CỘNG	512.117.161.615	436.151.968.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí mua hàng và cung cấp dịch vụ	<u>(26.300.728.779.400)</u>	<u>(20.627.386.516.636)</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí lãi vay	324.569.874.029	201.641.796.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	965.691.865	515.306
Khác	606.255.914	780.972.450
TỔNG CỘNG	<u>326.141.821.808</u>	<u>202.423.284.684</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí bán hàng	2.438.374.451.087	2.139.579.773.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.482.519.508.196	1.144.952.240.413
Chi phí nhân viên	769.741.807.531	685.120.350.716
Chi phí khấu hao và hao mòn	137.790.054.016	205.425.484.491
Khác	48.323.081.344	104.081.697.483
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.225.141.003.222	771.423.482.048
Chi phí nhân viên	1.068.830.574.261	654.402.519.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.551.811.658	115.009.996.898
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.613.890	26.383.737
Khác	11.719.003.413	1.084.562.267
TỔNG CỘNG	<u>3.663.515.454.309</u>	<u>2.911.003.235.151</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.300.728.779.400	20.627.386.516.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.627.071.319.854	1.259.962.237.311
Chi phí nhân viên	1.838.572.381.792	1.339.522.869.862
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	137.829.667.906	205.451.868.228
Chi phí khác	60.042.084.757	106.066.259.750
TỔNG CỘNG	29.964.244.233.709	23.538.389.751.787

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí thuế TNDN	781.646.876.250	380.292.182.958
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	784.058.706.153	380.292.182.958
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(227.184.111.647)	(2.102.682.734)
TỔNG CỘNG	556.874.594.506	378.189.500.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

28. THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.775.441.460.755	1.856.564.880.868
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	555.088.292.151	371.312.976.174
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ từ các công ty con		
Lãi từ công ty liên doanh	(1.802.348.386)	(625.954.860)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.176.820.838	992.060.108
Chi phí phân bổ thương hiệu	-	267.633.483
Lỗ chuyển nhượng công ty con	-	6.242.785.319
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	556.874.594.506	378.189.500.224

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Các khoản chi phí phải trả	366.919.949.667	184.384.575.082	182.535.374.587	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.806.471.262	121.918.831.002	27.887.640.260	2.398.167.923
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	122.543.126.054	107.387.343.689	15.155.782.365	(1.479.345.328)
Dự phòng chi phí bảo hành	19.676.285.692	17.899.612.226	1.776.673.466	-
Dự phòng chi phí khấu hao	2.156.143.410	2.156.143.410	-	1.172.681.612
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(182.785.425)	(11.426.394)	(171.359.031)	11.178.527
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	660.919.190.660	433.735.079.015		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			227.184.111.647	2.102.682.734

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Công ty cùng Tập đoàn
Quý Từ thiện Mai Ám Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Zynstra Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Purple Wifi Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	-	499.722.985.260
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	138.456.346.303	110.990.782.635
	Mua dịch vụ	20.868.896.55	1.219.024.503
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	101.660.225.947	53.046.732.928
	Bán dịch vụ	26.340.372.000	5.762.100.000
	Bán tài sản cố định	-	4.010.157.844
	Mua dịch vụ	1.183.800.000	-
Công ty Cổ phần Thế giới sổ Trần Anh	Chi phí thuê	-	3.954.899.444
Công ty TNHH Thương Mại Avakids	Bán hàng hóa	11.132.260.294	-
	Bán tài sản cố định	17.127.720.956	-
	Thuê mặt bằng	13.343.214.200	-
	Bán dịch vụ	3.396.905.519	-
Công ty Cổ phần Dược Pharm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	5.973.114.473	-
	Bán dịch vụ	1.165.946.000	-
Ông Robert Alan Willett	Chi phí tư vấn	312.500.000	-
Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	-	8.022.756.700
	và dịch vụ	-	61.653.781.510
	Mua hàng hóa	-	348.528.806.010
	Mua dịch vụ	-	96.885.353
	Bán tài sản cố định	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	14.907.176.330	130.837.206.774
	Bán dịch vụ	2.514.973.609	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	21.981.521.872	16.314.359.885
	Bán dịch vụ	5.296.665.898	9.926.884.800
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	1.591.346.864	2.115.803.639
	Bán dịch vụ	-	1.982.128.055
		46.291.684.573	161.176.383.153
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế giới Di động	Tạm ứng cổ tức	-	20.634.327.611
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	-	8.912.000.817
	Cho thuê	-	2.074.355.898
	Chi hộ	651.345.295	428.418.548
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.350.762.256	7.573.719.423
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	-	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	77.257.912	39.760.669
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Chi hộ	24.084.000	-
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	18.649.625.333	-
		26.753.074.796	40.602.682.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	40.618.119.197	61.798.323.713
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	-	5.108.951.223
	Mua dịch vụ	426.168.000	-
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa, dịch vụ	495.000.000	1.412.060.256
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thuê cửa hàng	-	1.842.334
		41.539.287.197	68.321.177.526
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	8.563.104.783	3.586.085.196
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	7.376.031.499	1.840.887.467
	Mua vật dụng, thiết bị	-	13.302.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	8.352.305.863	4.144.811
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thu hộ	41.132.501.067	-
		63.423.943.212	5.444.419.474

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	1.511.367.757	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	418.200.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	208.320.000	241.967.755
TỔNG CỘNG		1.719.687.757	660.167.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	2.218.566.866.249	1.478.375.380.644
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	1.101.283.500	1.101.283.500
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.015	1.342

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Đến 1 năm	2.186.271.216.484	2.149.789.570.650
Từ 1 đến 5 năm	5.947.869.590.827	5.864.629.759.677
Trên 5 năm	1.670.535.080.994	1.678.824.520.706
TỔNG CỘNG	9.804.675.888.305	9.693.243.851.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.414.244.731.666	4.832.270.392.374	25.246.515.124.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.180.000.000.000	(4.180.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.649.972.498.017	(652.270.392.374)	997.702.105.643

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành các sản phẩm này; và
- Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm kinh doanh dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Doanh thu				32.541.950.091.890
Từ bán hàng ra bên ngoài *	32.354.560.835.485	187.389.256.405	-	-
Giữa các bộ phận	81.422.707.792	502.600.591.317	(584.023.299.109)	-
Tổng cộng doanh thu	32.435.983.543.277	689.989.847.722	(584.023.299.109)	32.541.950.091.890
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.208.040.902.149	33.180.410.341	-	6.241.221.312.490
Chi phí không phân bổ				(3.663.515.454.309)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				2.577.705.858.181
Doanh thu hoạt động tài chính				512.117.161.615
Chi phí tài chính				(326.141.821.806)
Phân lãi trong công ty liên doanh				9.011.741.928
Lỗ khác				2.748.520.839
Lợi nhuận kế toán trước thuế				2.775.441.480.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(784.058.706.153)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				227.184.111.647
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				2.218.566.866.249
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Tài sản và nợ phải trả				57.338.243.943.518
Tài sản của bộ phận	56.230.235.525.586	1.108.008.417.932	-	(11.233.633.773)
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				57.327.010.309.745
Nợ phải trả của bộ phận	36.515.223.372.620	792.645.460.369	-	37.307.871.832.989
Tổng nợ phải trả				37.307.871.832.989

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHỈNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngành hàng điện tử và già dùng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	24.638.571.252.237	514.986.815.877	-	25.153.558.068.114
Giữa các bộ phận	3.342.959.580		(3.342.959.580)	-
Tổng cộng doanh thu	24.641.914.211.817	514.986.815.877	(3.342.959.580)	25.153.558.068.114
Lợi nhuận gộp của bộ phận				
Chi phí không phân bổ	4.413.634.976.888	112.536.574.690	-	4.526.171.551.478
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				
Doanh thu hoạt động tài chính				1.615.168.316.327
Chi phí tài chính				436.151.968.360
Phân lỗ trong công ty liên doanh				(202.423.284.684)
Lãi khác				3.129.774.300
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.538.106.565
Chi phí thuế TNDN hiện hành				1.856.564.880.868
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(380.292.182.958)
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				2.102.662.734
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025				1.478.375.380.644
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	49.137.483.965.862	1.310.413.451.137	-	50.447.897.406.999
Tài sản không phân bổ				(41.466.680.599)
Tổng tài sản				50.405.430.726.400
Nợ phải trả của bộ phận				
Tổng nợ phải trả	29.597.103.644.242	314.534.477.119	-	29.911.638.121.361
				29.911.538.121.361



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026
- ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026	7 - 15
PHỤ LỤC SỐ 01	16
PHỤ LỤC SỐ 02.1 - 02.7	17 - 43
PHỤ LỤC SỐ 03	44 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 (gọi tắt là "Báo cáo về vốn điều lệ đã góp") đã được kiểm toán,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 và tại thời điểm lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/11/2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/11/2021
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/11/2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Võ Trung Hà Tín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11/11/2021
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	Từ ngày 05/11/2025 đến ngày 19/01/2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	Từ ngày 05/11/2025 đến ngày 19/01/2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2016
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/09/2018
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 04/09/2018

Kế toán trưởng của Công ty tại ngày lập Báo cáo này là Bà Võ Thị Phương Thảo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ BÁO CÁO

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ báo cáo này có thể làm thay đổi các số liệu trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là Ông Đoàn Văn Hiếu Em - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp phản ánh trung thực và hợp lý về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 và tình hình thực hiện vốn góp cổ phần tại thời điểm báo cáo. Trong quá trình thực hiện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn kiện pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Trong việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác vốn điều lệ đã góp, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp;
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình thực hiện góp vốn điều lệ đã góp ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo về vốn điều lệ đã góp này tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

CHỨNG THỰC BAN SẠO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 03-03-2026

Số chứng thực **018105** Quyền số: 01 SQT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Xuân Chương

Số: 146/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 (gọi tắt là "Báo cáo về vốn điều lệ đã góp") của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/3/2026, trình bày từ trang 6 đến trang 46. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Báo cáo về vốn điều lệ đã góp và bản Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty phù hợp với các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Báo cáo vốn góp kèm theo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo về vốn điều lệ đã góp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo về vốn điều lệ đã góp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của cơ sở trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được áp dụng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đến Thuyết minh số 2 - Mục đích lập Báo cáo, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở báo cáo vốn điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình góp vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31/01/2026 mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
5586-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Bùi Đức Nam

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
5142-2025-112-1

CHỖ DÍNH HOÀN HỒ MINH SỔ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ MÁY XANH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÁ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026

Đơn vị tính: VND

STT	Thời gian	Nội dung	Thuyết minh	Số lượng cổ phần	Vốn góp (theo mệnh giá)	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng	Vốn đã góp sau tăng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) + (7)	(9)
1	01/01/2015	Số dư đầu kỳ báo cáo	6.1	96.096.447	960.964.470.000	-	960.964.470.000	960.964.470.000
2		Tăng vốn trong kỳ báo cáo	6.2	1.005.187.053	10.051.870.530.000	-	10.051.870.530.000	11.012.835.000.000
2.1	20/04/2018	Tăng vốn	6.2.1	100.000.000	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	1.960.964.470.000
2.2	15/05/2018	Tăng vốn	6.2.2	55.434	554.340.000	-	554.340.000	1.961.518.810.000
2.3	18/06/2020	Tăng vốn	6.2.3	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	2.761.518.810.000
2.4	25/11/2021	Tăng vốn	6.2.4	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	3.561.518.810.000
2.5	05/08/2022	Tăng vốn	6.2.5	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	4.361.518.810.000
2.6	09/12/2025	Tăng vốn	6.2.6	654.227.821	6.542.278.210.000	-	6.542.278.210.000	10.903.797.020.000
2.7	19/12/2025	Tăng vốn	6.2.7	10.903.798	109.037.980.000	-	109.037.980.000	11.012.835.000.000
3	31/01/2026	Số dư cuối kỳ báo cáo	6.3	1.101.283.500	11.012.835.000.000	-	11.012.835.000.000	11.012.835.000.000

Kế toán trưởng

Võ Thị Phương Thảo

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Hiếu Em

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303217354 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh 29 lần và Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh 04 lần, lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 33 được cấp ngày 19/12/2025.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

1.3. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31/01/2026, Công ty có 01 công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động, với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Công ty là 98,955%. Ngoài ra, Công ty có 01 Công ty con và 01 Công ty liên doanh là:

STT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/01/2026
I. Công ty con			
I	Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	99,99%
II. Công ty liên doanh			
I	PT Era Blu Electroni	Thương mại sản phẩm điện tử	45,00%

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, khu Công Nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở báo cáo vốn điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành. Đồng tiền sử dụng cho báo cáo này là đồng Việt Nam ("VND").

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà doanh nghiệp được áp dụng theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực, chế độ kế toán. Ban Tổng Giám đốc cam kết Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập và trình bày phù hợp với các quy định có liên quan của chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp, bao gồm: Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025 quy định về việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Vốn góp của từ phát hành cổ phần được ghi vào tài khoản vốn cổ phần theo mệnh giá và được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Công ty lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Kỳ báo cáo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026.

5. GHI NHẬN VÀ TRÌNH BÀY VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình góp vốn thành lập, tăng vốn điều lệ đã góp được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng, các văn bản pháp lý khác có liên quan và các hồ sơ, tài liệu góp vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc ghi nhận và trình bày vốn điều lệ đã góp tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ khi thành lập đến ngày 31/01/2026, đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu được trình bày tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Vốn góp thành lập, số liệu liên quan đến quá trình tăng/giảm vốn điều lệ, số dư cuối kỳ báo cáo và Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ khi thành lập đến ngày 31/01/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

6.1. SỐ DƯ ĐẦU KỲ BÁO CÁO

Số dư đầu kỳ báo cáo tại ngày 01/01/2015 là 960.964.470.000 VND

a. Cơ sở ghi nhận số dư đầu kỳ

Tài liệu liên quan đến việc tăng vốn gần nhất trước thời điểm đầu kỳ của Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm:

Nghị quyết số 0214/ĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 17/05/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động - Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc tái đầu tư vào Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 16 ngày 20/01/2015 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 960.964.470.000 VND;

Điều lệ Công ty ngày 29/03/2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 960.964.470.000 VND;

Sổ cổ đông của Công ty được lập tại ngày 01/03/2017 trong đó có 05 cổ đông;

Báo cáo tài chính năm 2014 và 2015 của Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

b. Chi tiết số dư tại ngày 01/01/2015: Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo.

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026, Công ty có 07 đợt tăng vốn điều lệ và không có đợt giảm vốn điều lệ. Chi tiết như sau:

6.2.1. TĂNG VỐN LẦN 01 NGÀY 20/04/2018

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng hình thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

Quyết định số 01/2018/TGDD/QĐ ngày 12/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 21 ngày 20/04/2018 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.960.964.470.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 12/04/2018, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.960.964.470.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 10/04/2018 trong đó có 05 cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.1. TĂNG VỐN LẦN 01 NGÀY 20/04/2018 (TIẾP)

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	960.964.470.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	1.000.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	1.960.964.470.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/04/2018
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	10/04/2018

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.1 đính kèm Báo cáo.

6.2.2. TĂNG VỐN LẦN 02 NGÀY 15/05/2018

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng hình thức phát hành thêm phần cho cổ đông hiện hữu;

Quyết định số 02/2018/TGDD/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 22 ngày 15/05/2018 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.961.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 04/05/2018, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.961.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 04/05/2018 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	1.960.964.470.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	554.340.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	1.961.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/04/2018
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	04/05/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.1. TĂNG VỐN LẦN 02 NGÀY 15/05/2018 (TIẾP)

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.2 đính kèm Báo cáo.

6.2.3. TĂNG VỐN LẦN 03 NGÀY 18/06/2020

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh để mở rộng hoạt động sản xuất và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 24 ngày 18/06/2020 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.761.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 10/06/2020, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.761.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 10/06/2020 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	1.961.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	2.761.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	09/06/2020
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	18/06/2020

(*) Thời điểm bắt đầu và hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.3 đính kèm Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.4. TĂNG VỐN LẦN 04 NGÀY 25/11/2021

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ, từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, bầu cá nhân làm Thành viên Hội đồng quản trị và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 26 ngày 25/11/2021 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 3.561.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 11/11/2021, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 3.561.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 11/11/2021 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	2.761.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	3.561.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	11/11/2021
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	02/12/2021

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.4 đính kèm Báo cáo.

6.2.5. TĂNG VỐN LẦN 05 NGÀY 05/08/2022

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 28 ngày 05/08/2022 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 4.361.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 29/07/2022, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 4.361.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập lại ngày 29/07/2022 trong đó có 05 cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.5. TĂNG VỐN LẦN 05 NGÀY 05/08/2022 (TIẾP)

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	3.561.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	4.361.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	29/07/2022
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	04/08/2022

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.5 đính kèm Báo cáo.

6.2.6. TĂNG VỐN LẦN 06 NGÀY 09/12/2025

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi lần thứ 32 ngày 09/12/2025 được cấp bởi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 10.903.797.020.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 03/12/2025, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 10.903.797.020.000 VND;

Số đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 03/12/2025 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	4.361.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	6.542.278.210.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	10.903.797.020.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/12/2025
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	03/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.6. TĂNG VỐN LẦN 06 NGÀY 09/12/2025 (TIẾP)

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.6 đính kèm Báo cáo.

6.2.7. TĂNG VỐN LẦN 07 NGÀY 19/12/2025

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua chủ trương Công ty thực hiện kế hoạch chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng đồng thời đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán năm 2026, phương án chào bán cổ phần riêng lẻ, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và thông qua sửa đổi điều lệ của Công ty;

Nghị quyết số 08/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 17/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi lần thứ 33 ngày 19/12/2025 được cấp bởi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 11.012.835.000.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 19/12/2025, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 11.012.835.000.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 17/12/2025 trong đó có 96 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	10.903.797.020.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	109.037.980.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	11.012.835.000.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	96 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	13/12/2025
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	16/12/2025

(*) Thời điểm bắt đầu và hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.7 đính kèm Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015
ĐẾN NGÀY 31/01/2026

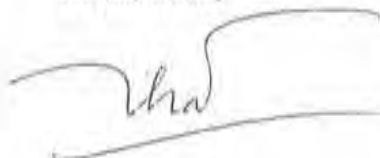
THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6.3 SỐ DƯ CUỐI KỲ BÁO CÁO

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/01/2026 là 11.012.835.000.000 VND, chi tiết tại Phụ lục số 03 đính kèm Báo cáo.

Kế toán trưởng



Vũ Thị Phương Thảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Doãn Văn Hiếu Em

PHỤ LỤC SỐ 01

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 01/01/2015 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.1
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	96.043.206	960.432.060.000	99,945%
2	Nguyễn Đức Tài	21.912	219.120.000	0,02%
3	Trần Lê Quân	18.833	188.330.000	0,02%
4	Đieu Chinh Hải Triều	6.248	62.480.000	0,01%
5	Trần Huy Thanh Tùng	6.248	62.480.000	0,01%
	Tổng cộng	96.096.447	960.964.470.000	100%

PHỤ LỤC SỐ 02.1

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 01 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.1 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đồng/tành việ góp vố	Chức vụ (Nếu có)	Thốg tìn ngườì có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vố góp đợc này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vố	Tại sả góp vố	Tại liệ góp vố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cốg ty Cồ phầ Đầu tư Thế Giớì Dĩ Đợg	Cốg ty mẹ		100.000.000	1.000.000.000.000	100%	Góp vố bằg việc chuyể đổi khoản vay thầh vố cồ phầ	Góp vố thốg qua cầ trừ nợ vay, số tiề: 1.000.000.000.000 VND	- Nghị quết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đợg cồ đợg Cốg ty Cồ phầ Thế Giớì Dĩ Đợg (nay là "Cốg ty Cồ phầ Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thốg qua việc tặg vố điề lệ của Cốg ty; - Quết địn số 01/2013/TGĐĐ/QĐ ngày 12/04/2018 của Đại hội đợg cồ đợg Cốg ty Cồ phầ Thế Giớì Dĩ Đợg (nay là "Cốg ty Cồ phầ Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đặg ký tặg vố điề lệ, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điề lệ Cốg ty; - Thóa thuyể chuyể nợ thầh vố cồ phầ ngày 20/04/2018
	Tồg cộg			100.000.000	1.000.000.000.000	100%			

PHỤ LỤC SỐ 02.2

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 02 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.2 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		22.815	228.150.000	41,16%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bà trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 228.150.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDD/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
2	Trần Lê Quân			19.609	196.090.000	35,37%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bà trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 196.090.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDD/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018

PHỤ LỤC SỐ 02.1

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 02 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.2 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tại sao góp vốn	Tại liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Điền Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		6.505	65.050.000	11,73%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 65.050.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
4	Trần Huy Thanh Tùng			6.505	65.050.000	11,73%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 65.050.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
	Tổng cộng			55.434	554.340.000	100%			

PHỤ LỤC SỐ 02.3

CHI TIẾT TÀNG VỐN LẦN 03 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tại sân góp vốn	Tại liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của 02 Ngân hàng từ ngày 09/06/2020 đến ngày 11/06/2020 với số tiền tổng: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 182.420.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐH/CEB/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
3	Trần Lê Quân			45.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐH/CEB/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020

PHỤ LỤC SỐ 02.3

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 03 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Đào Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHCEB/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cam trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
5	Trần Huy Thanh Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHCEB/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cam trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
	Tổng cộng			80.000.000	800.000.000.000	100%			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 90178795001 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn ngày 09/06/2020.

Sao kê Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 3101153030 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 09/06/2020 và ngày 11/06/2020.

PHỤ LỤC SỐ 02.4

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 04 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.4 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Giới Di Động	Công ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) vào ngày 24/11/2021 với số tiền: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền	Tiền gửi ngân hàng, số tiền: 182.420.000 VND	Sao kê của Ngân hàng TMCP Quân đội vào ngày 02/12/2021 với số tiền tổng: 182.420.000 VND (**)
3	Trần Lê Quân			15.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCB/TGĐĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thái Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021

PHỤ LỤC SỐ 02.4

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 04 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.4 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điền Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCST/GDB-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021
5	Trần Huy Thanh Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCST/GDB-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021
	Tổng cộng			80.000.000	800.000.000.000	100%			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 001-241777-001 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 24/11/2021.

(**) Sao kê Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 số tài khoản 979979 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 02/12/2021.

PHỤ LỤC SỐ 02.5

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 05 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.5 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người cổ liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổng ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của 02 Ngân hàng từ ngày 03/08/2022 đến ngày 04/08/2022 với số tiền tổng: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cần trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 182.420.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
3	Trần Lê Quân			15.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cần trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022

PHỤ LỤC SỐ 02.5

CHI TIẾT TÀNG VỐN LẦN 05 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.5 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Thủ tục góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điền Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cần trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
5	Trần Huy Thành Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cần trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGĐĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cần trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
Tổng cộng					800.000.000.000	100%			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 001-241777-001 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 03/08/2022 và ngày 04/08/2022.

Sao kê Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 3101153030 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 03/08/2022 và ngày 04/08/2022.

PHỤ LỤC SỐ 02.6

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 06 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.6 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổng ty mẹ		653.865.360	6.538.653.600.000	99,94%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 6.538.653.600.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		149.179	1.491.790.000	0,02%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 1.491.790.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
3	Trần Lê Quân			128.214	1.282.140.000	0,02%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 1.282.140.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty

PHỤ LỤC SỐ 02.6

CHI TIẾT TÀNG VỐN LẦN 06 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.6 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tại sân góp vốn	Tại Hội góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điều Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		42.534	425.340.000	0,01%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 425.340.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
5	Trần Huy Thanh Tùng			42.534	425.340.000	0,01%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 425.340.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
Tổng cộng				654.227.821	6.542.278.210.000	100%			

(*) Công ty sử dụng nguồn tiền từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/09/2025 của Công ty với giá trị 6.542.278.210.000 đồng với tổng số lượng cổ phiếu được phát hành thêm là 654.227.821 cổ phiếu.

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.7 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tại sân góp vốn	Tại tiền góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc		1.833.098	18.330.980.000	16,81%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 18.330.980.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 18.330.980.000 VND
2	Phùng Ngọc Tuyền			335.000	3.350.000.000	3,07%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 3.350.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 3.350.000.000 VND
3	Nguyễn Minh Tâm			166.000	1.660.000.000	1,52%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.660.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.660.000.000 VND
4	Trần Đức Tín			172.000	1.720.000.000	1,58%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.720.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 13/12/2025 với số tiền là: 1.720.000.000 VND
5	Trần Nguyên Trục			164.000	1.640.000.000	1,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.640.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.640.000.000 VND
6	Hà Bửu Tền			168.000	1.680.000.000	1,54%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.680.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.680.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	Trần Văn Hoàng			372.200	3.722.000.000	3,41%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 3.722.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 3.722.000.000 VND
8	Nguyễn Hữu Quốc Cường			184.400	1.844.000.000	1,69%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.844.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.844.000.000 VND
9	Lê Văn Nhật			179.700	1.797.000.000	1,65%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.797.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.797.000.000 VND
10	Nguyễn Đức Minh			178.800	1.788.000.000	1,64%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.788.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.788.000.000 VND
11	Nguyễn Thị Lý			169.500	1.695.000.000	1,55%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.695.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 1.695.000.000 VND
12	Nguyễn Thị Yến Mì			218.100	2.181.000.000	2,00%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.181.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.181.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	Trương Hồng Hoàng			260.500	2.605.000.000	2,39%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.605.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.605.000.000 VND
14	Ngô Tố Mỹ			108.400	1.084.000.000	0,99%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.084.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.084.000.000 VND
15	Nguyễn Thị Mộng Vần			100.000	1.000.000.000	0,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.000.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 1.000.000.000 VND
16	Quách Minh Nam			467.700	4.677.000.000	4,29%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 4.677.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 4.677.000.000 VND
17	Phạm Minh Thắng			211.300	2.113.000.000	1,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.113.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.113.000.000 VND
18	Lê Tiến Định			224.800	2.248.000.000	2,06%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.248.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.248.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Số 170 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 62.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/hành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	Trần Thị Hoàng Yến			201.800	2.018.000.000	1,85%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.018.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.018.000.000 VND
20	Nguyễn Văn Chung			231.900	2.319.000.000	2,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.319.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.319.000.000 VND
21	Đỗ Thị Thái Thanh			232.400	2.324.000.000	2,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.324.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.324.000.000 VND
22	Lê Hoàng Hiền			179.200	1.792.000.000	1,64%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.792.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.792.000.000 VND
23	Trần Thị Kim Oanh			188.800	1.888.000.000	1,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.888.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.888.000.000 VND
24	Lê Thủy Sơn Ca			213.600	2.136.000.000	1,96%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.136.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.136.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài Hiệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
25	Huỳnh Văn Tốt			135.700	1.357.000.000	1,24%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.357.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.357.000.000 VND
26	Hành Lê Phúc Thịnh			13.000	130.000.000	0,12%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 130.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 130.000.000 VND
27	Nguyễn Hữu Phúc			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
28	Đoàn Trung Hiếu			467.700	4.677.000.000	4,29%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 4.677.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 4.677.000.000 VND
29	Huỳnh Tấn Phong			50.000	500.000.000	0,46%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 500.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 500.000.000 VND
30	Nguyễn Tấn Lực			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
31	Mai Xuân Đức			55.000	550.000.000	0,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 550.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 550.000.000 VND
32	Phạm Hoàng Nhân			55.000	550.000.000	0,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 550.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 550.000.000 VND
33	Nguyễn Ngọc Huy			90.000	900.000.000	0,83%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 900.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 900.000.000 VND
34	Lê Hoài Sang			103.600	1.036.000.000	0,95%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.036.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.036.000.000 VND
35	Phạm Thành Công			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND
36	Nguyễn Trần Thanh Trúc			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
37	Hoàng Hữu Hưng			292.900	2.929.000.000	2,69%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.929.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 và ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.929.000.000 VND
38	Phan Hữu Tiến			22.000	220.000.000	0,20%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 220.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 220.000.000 VND
39	Hoàng Nữ Trà My			18.000	180.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 180.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 180.000.000 VND
40	Đỗ Hoàng Tùng			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
41	Lâm Mạnh Quân			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
42	Lê Minh Châu			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
43	Đỗ Nguyễn Minh Viễn			297.300	2.973.000.000	2,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.973.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.973.000.000 VND
44	Phạm Nguyễn Vũ			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
45	Võ Hoàng Tuấn			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
46	Võ Phước Song			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
47	Võ Kỳ Nguyễn			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
48	Võ Thị Kim Phụng			225.000	2.250.000.000	2,06%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.250.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.250.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TÀNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
49	Đông Thị Bạch Yến			23.900	239.000.000	0,22%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 239.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 239.000.000 VND
50	Tổng Văn Dũng			23.000	230.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 230.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 230.000.000 VND
51	Trần Thị Mỹ Linh			23.000	230.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 230.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 230.000.000 VND
52	Nguyễn Thành Bảo Lộc			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
53	Võ Hoàng Oanh			20.000	200.000.000	0,18%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 200.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 200.000.000 VND
54	Lê Thảo Trang			112.200	1.122.000.000	1,03%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.122.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.122.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
55	Nguyễn Vũ Trường			30.000	300.000.000	0,28%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 300.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 300.000.000 VND
56	Đào Ngọc Duy Vương			30.000	300.000.000	0,28%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 300.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 300.000.000 VND
57	Đặng Thanh Phong			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
58	Nguyễn Phi			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
59	Nguyễn Thu Hà			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
60	Tạ Thị Bích Hậu			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
61	Mai Vĩ Anh			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
62	Đặng Hoàng Tuyển			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
63	Lương Đình Qui			107.000	1.070.000.000	0,98%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.070.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.070.000.000 VND
64	Trần Minh Thuận			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND
65	Lê Tiến Thành			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND
66	Nguyễn Hùng			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
67	Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch		209.300	2.093.000.000	1,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.093.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.093.000.000 VND
68	Lý Trần Kim Ngân			145.100	1.451.000.000	1,33%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.451.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.451.000.000 VND
69	Võ Thị Phương Thảo			18.000	180.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 180.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 180.000.000 VND
70	Huỳnh Thị Bích Nga			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
71	Trần Minh Hưng			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
72	Võ Lê Giang			157.600	1.576.000.000	1,45%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.576.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.576.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tai hiệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
73	Lê Anh Tú			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
74	Phạm Văn Khánh			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
75	Phạm Đức Hoàng			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
76	Tạ Hữu Phước			20.000	200.000.000	0,18%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 200.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 200.000.000 VND
77	Hoàng Khánh Chi			146.100	1.461.000.000	1,34%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.461.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.461.000.000 VND
78	Phạm Minh Trung			19.000	190.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 190.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 190.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
79	Vũ Nguyễn Thùy Linh			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
80	Võ Thụy Sơn Thảo			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
81	Lê Thị Thu Trang			96.600	966.000.000	0,89%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 966.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 966.000.000 VND
82	Đoàn Phan Trung Kiên			10.000	100.000.000	0,09%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 100.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 100.000.000 VND
83	Trịnh Quang Khải			68.500	685.000.000	0,63%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 685.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 685.000.000 VND
84	La Ngọc Bảo Trần			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TÁNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
85	Nguyễn Đình Quỳnh			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
86	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
87	Nguyễn Phát Đạt			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
88	Nguyễn Bá Tín			100.000	1.000.000.000	0,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.000.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.000.000.000 VND
89	Lê Minh Tú			80.000	800.000.000	0,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 800.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 800.000.000 VND
90	Đỗ Thanh Tuấn			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TẶNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
91	Nguyễn Thị Hoa			25.000	250.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 250.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 250.000.000 VND
	Tổng cộng			10.903.798	109.037.980.000	100%			

(*) Tổng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ được thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025. Tổng số lượng cổ phiếu được chào bán là 10.903.798, giá chào bán là 10.000 VND. Tổng giá trị góp vốn thực tế là: 109.037.980.000 VND.

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	10.897.756.000.000	98,955%
2	Nguyễn Đức Tài	248.632	2.486.320.000	0,023%
3	Trần Lê Quân	213.690	2.136.900.000	0,019%
4	Điều Chính Hải Triều	70.890	708.900.000	0,006%
5	Trần Huy Thanh Tùng	70.890	708.900.000	0,006%
6	Đoàn Văn Hiếu Em	1.833.098	18.330.980.000	0,166%
7	Phùng Ngọc Tuyên	335.000	3.350.000.000	0,030%
8	Nguyễn Minh Tâm	166.000	1.660.000.000	0,015%
9	Trần Đức Tín	172.000	1.720.000.000	0,016%
10	Trần Nguyễn Trục	164.000	1.640.000.000	0,015%
11	Hà Bửu Tân	168.000	1.680.000.000	0,015%
12	Trần Văn Hoàng	372.200	3.722.000.000	0,034%
13	Nguyễn Hữu Quốc Cường	184.400	1.844.000.000	0,017%
14	Lê Văn Nhật	179.700	1.797.000.000	0,016%
15	Nguyễn Đức Minh	178.800	1.788.000.000	0,016%
16	Nguyễn Thị Lý	169.500	1.695.000.000	0,015%
17	Nguyễn Thị Yến Mì	218.100	2.181.000.000	0,020%
18	Trương Hồng Hoàng	260.500	2.605.000.000	0,024%
19	Ngô Tổ Mỹ	108.400	1.084.000.000	0,010%
20	Nguyễn Thị Mộng Vân	100.000	1.000.000.000	0,009%
21	Quách Vĩnh Nam	467.700	4.677.000.000	0,042%
22	Phạm Minh Thắng	211.300	2.113.000.000	0,019%
23	Lê Tiến Định	224.800	2.248.000.000	0,020%
24	Trần Thị Hoàng Yến	201.800	2.018.000.000	0,018%
25	Nguyễn Văn Chung	231.900	2.319.000.000	0,021%
26	Đỗ Thị Thái Thanh	232.400	2.324.000.000	0,021%
27	Lê Hoàng Hiếu	179.200	1.792.000.000	0,016%
28	Trần Thị Kim Oanh	188.800	1.888.000.000	0,017%
29	Lê Thụy Sơn Ca	213.600	2.136.000.000	0,019%
30	Huỳnh Văn Tốt	135.700	1.357.000.000	0,012%
31	Huỳnh Lê Phúc Thịnh	13.000	130.000.000	0,001%
32	Nguyễn Hữu Phúc	15.000	150.000.000	0,001%
33	Đoàn Trung Hiếu	467.700	4.677.000.000	0,042%
34	Huỳnh Tấn Phong	50.000	500.000.000	0,005%
35	Nguyễn Tấn Lực	40.000	400.000.000	0,004%
36	Mai Xuân Đức	55.000	550.000.000	0,005%
37	Phạm Hoàng Nhân	55.000	550.000.000	0,005%
38	Nguyễn Ngọc Huy	90.000	900.000.000	0,008%
39	Lê Hoài Sang	103.600	1.036.000.000	0,009%
40	Phạm Thành Công	40.000	400.000.000	0,004%

PHỤ LỤC SỐ 03

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)**

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	Nguyễn Trần Thanh Trúc	40.000	400.000.000	0,004%
42	Hoàng Hữu Hưng	292.900	2.929.000.000	0,027%
43	Phan Hữu Tiến	22.000	220.000.000	0,002%
44	Hoàng Nữ Trà My	18.000	180.000.000	0,002%
45	Đỗ Hoàng Tùng	12.000	120.000.000	0,001%
46	Lâm Mạnh Quân	12.000	120.000.000	0,001%
47	Lê Minh Châu	12.000	120.000.000	0,001%
48	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	297.300	2.973.000.000	0,027%
49	Phạm Nguyễn Vũ	22.900	229.000.000	0,002%
50	Võ Hoàng Tuấn	22.900	229.000.000	0,002%
51	Võ Phước Song	22.900	229.000.000	0,002%
52	Võ Kỳ Nguyễn	22.900	229.000.000	0,002%
53	Võ Thị Kim Phụng	225.000	2.250.000.000	0,020%
54	Hồng Thị Bạch Yến	23.900	239.000.000	0,002%
55	Tổng Văn Dũng	23.000	230.000.000	0,002%
56	Trần Thị Mỹ Linh	23.000	230.000.000	0,002%
57	Nguyễn Thanh Bảo Lộc	14.000	140.000.000	0,001%
58	Võ Hoàng Oanh	20.000	200.000.000	0,002%
59	Lê Thảo Trang	112.200	1.122.000.000	0,010%
60	Nguyễn Vũ Trường	30.000	300.000.000	0,003%
61	Đào Ngọc Duyệt Vương	30.000	300.000.000	0,003%
62	Đặng Thanh Phong	12.000	120.000.000	0,001%
63	Nguyễn Phi	12.000	120.000.000	0,001%
64	Nguyễn Thu Hà	12.000	120.000.000	0,001%
65	Tạ Thị Bích Hậu	12.000	120.000.000	0,001%
66	Mai Vi Anh	12.000	120.000.000	0,001%
67	Đặng Hoàng Tuyển	12.000	120.000.000	0,001%
68	Lương Đình Quý	107.000	1.070.000.000	0,010%
69	Trần Minh Thuận	15.200	152.000.000	0,001%
70	Lê Tiến Thành	15.200	152.000.000	0,001%
71	Nguyễn Hùng	15.200	152.000.000	0,001%
72	Vũ Đăng Linh	209.300	2.093.000.000	0,019%
73	Lý Trần Kim Ngân	145.100	1.451.000.000	0,013%
74	Võ Thị Phương Thảo	18.000	180.000.000	0,002%
75	Huỳnh Thị Bích Nga	15.000	150.000.000	0,001%
76	Trần Minh Hưng	15.000	150.000.000	0,001%
77	Võ Lê Giang	157.600	1.576.000.000	0,014%
78	Lê Anh Tú	25.300	253.000.000	0,002%
79	Phan Văn Khánh	25.300	253.000.000	0,002%
80	Phạm Đức Hoàng	25.300	253.000.000	0,002%

PHỤ LỤC SỐ 03

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)**

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
81	Tạ Hữu Phước	20.000	200.000.000	0,002%
82	Hoàng Khánh Chí	146.100	1.461.000.000	0,013%
83	Phạm Minh Trung	19.000	190.000.000	0,002%
84	Vũ Nguyễn Thùy Linh	14.000	140.000.000	0,001%
85	Võ Thụy Sơn Thảo	14.000	140.000.000	0,001%
86	Lê Thị Thu Trang	96.600	966.000.000	0,009%
87	Đoàn Phan Trung Kiên	10.000	100.000.000	0,001%
88	Trịnh Quang Khải	68.500	685.000.000	0,006%
89	La Ngọc Bảo Trân	65.000	650.000.000	0,006%
90	Nguyễn Đình Quỳnh	65.000	650.000.000	0,006%
91	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng	65.000	650.000.000	0,006%
92	Nguyễn Phát Đạt	65.000	650.000.000	0,006%
93	Nguyễn Bá Tín	100.000	1.000.000.000	0,009%
94	Lê Minh Tú	80.000	800.000.000	0,007%
95	Đỗ Thanh Tuấn	65.000	650.000.000	0,006%
96	Nguyễn Thị Hoa	25.000	250.000.000	0,002%
	Tổng cộng	1.101.283.500	11.012.835.000.000	100%